

Số: /BC-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng 5 năm 2020

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho huyện Đức Thọ năm 2020**

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và thành phố, thị xã trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/1/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 35/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hà Tĩnh: Số 05/2017/QĐ-UBND ngày 07/2/2017, số 17/2018/QĐ-UBND, số 28/2019/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, bổ sung, sửa đổi Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Theo đề nghị của UBND huyện Đức Thọ tại Tờ trình số 336/TTr-UBND ngày 25/2/2020 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

Trên cơ sở báo cáo thẩm tra của các sở, ngành phụ trách tiêu chí, hồ sơ đề nghị thẩm tra huyện Đức Thọ đạt chuẩn nông thôn mới, báo cáo tổng hợp của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tại Văn bản số 240 /VPĐP-KHNVGS ngày 13/5/2020, UBND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới cho huyện Đức Thọ năm 2020, cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA:**

**1. Về hồ sơ:**

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới của huyện Đức Thọ đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn

thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, gồm:

- Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2019 - 2020;

- Tờ trình số 336/TTr-UBND ngày 25/2/2020 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện Đức Thọ;

- Báo cáo số 327/BC-UBND ngày 24/2/2020 của UBND huyện Đức Thọ về kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 của huyện Đức Thọ;

- Báo cáo số 314/BC-UBND ngày 24/2/2020 của UBND huyện Đức Thọ về tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện Đức Thọ;

- Biên bản họp ngày 24/2/2020 của UBND huyện Đức Thọ về việc đề nghị xét, công nhận huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

- Báo cáo số 456/BC-UBND ngày 10/3/2020 của UBND huyện Đức Thọ về tình nợ xây dựng cơ bản và cân đối nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đức Thọ;

- Video clip và hình ảnh minh họa một số kết quả chủ yếu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đức Thọ.

**2. Về kết quả thẩm tra các tiêu chí xã nông thôn mới** (theo các Quyết định: 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và 05/2017/QĐ-UBND ngày 07/2/2017, số 17/2018/QĐ-UBND, số 28/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Đến cuối năm 2019 huyện Đức Thọ có 27/27 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định, đến nay, sau quá trình sáp nhập xã có 15/15 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định (đạt 100%), sau khi đạt chuẩn các xã đều nâng cấp mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, cập nhật theo Bộ tiêu chí mới. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã, cụ thể:

### **2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch:**

Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã được lập, phê duyệt đúng quy định, chất lượng tốt, thực hiện song hành với 2 Đề án: Đề án xây dựng nông thôn mới, Đề án phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân; việc công bố, công khai, niêm yết bản đồ quy hoạch đúng quy định, đối với quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã được phổ biến rộng rãi và treo bản đồ tại trung tâm xã và nhà văn hóa các thôn, xóm để nhân dân biết và thực hiện, lập kế hoạch và tổ chức cắm mốc thực địa theo quy hoạch được phê duyệt. UBND xã đã xây dựng quy chế quản lý quy hoạch trình UBND huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện, quản lý quy hoạch theo quy chế. Đồng thời trong quá trình tổ chức thực hiện, các xã đã rà soát và điều chỉnh kịp thời những bất cập trong quy hoạch. Việc thực hiện quy hoạch được tuân thủ, không vi phạm quy hoạch.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch.*

## **2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông:**

Trong 10 năm thực hiện Chương trình, huyện Đức Thọ đã huy động gần 2.000 tỷ đồng thực hiện làm mới hơn 50km và nâng cấp cải tạo hơn 60km đường trục xã; làm mới hơn 270km và nâng cấp cải tạo hơn 300km đường trục thôn, ngõ xóm, nội đồng; làm mới 92,4km rãnh thoát nước; trồng mới 90,83km cây bóng mát. Hàng năm huyện Đức Thọ luôn là đơn vị được đánh giá cao trong phong trào GTNT, được Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc trong phong trào GTNT năm 2018, được Bộ GTVT tặng cờ thi đua xuất sắc năm 2011 và 2015.

- Đường trục xã, liên xã: Tổng chiều dài 135,97km; đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn 135,97km, tỷ lệ đạt chuẩn 100% (tăng 26,2% so với năm 2010). Các tuyến đường trục xã, liên xã trong huyện cơ bản đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 6,5m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; mỗi xã có 01 tuyến đường qua trung tâm hành chính xã có quy mô nền đường rộng tối thiểu 9,0m, quy mô mặt đường rộng tối thiểu 5,0m.

- Đường trục thôn, liên thôn: Tổng chiều dài 178,19 km; đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn 148,68km, chiếm tỷ lệ 83% (tăng 52,7% so với năm 2010); Các tuyến đường trục thôn, liên thôn trong huyện cơ bản đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 5,0m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường ngõ, xóm: Tổng chiều dài 313,05km; đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn 253,09km, chiếm tỷ lệ 81% (tăng 52,6% so với năm 2010); Các tuyến đường ngõ xóm tại các xã trong huyện cơ bản đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 5,0m, mặt đường rộng tối thiểu 3,0m đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; đảm bảo thoát nước tốt không gây ô nhiễm môi trường, sạch sẽ và không lầy lội vào mùa mưa.

- Đường trục chính nội đồng: Tổng chiều dài 198,73km; đã cứng hóa đạt chuẩn 168,35km, chiếm tỷ lệ 85% (tăng 47,7% so với năm 2010); Các tuyến đường trục chính nội đồng trong huyện cơ bản đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 5,0m, mặt đường rộng tối thiểu 3,0m; đảm bảo cho xe cơ giới vận chuyển hàng hóa thuận tiện trong sản xuất.

- Các đoạn đường trục xã và trục thôn trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước hai bên đường: Tổng chiều dài các đoạn đường trục xã, liên xã, trục thôn, liên thôn qua khu dân cư cần làm rãnh thoát nước là 173,3km, trong đó có 139,8km đã có rãnh thoát nước hai bên đường, chiếm tỷ lệ 81% (tăng 53,6% so với năm 2010); các đoạn rãnh thoát nước thường xuyên được nạo vét, khơi thông đảm bảo khả năng thoát nước.

- Đường trục xã có trồng cây bóng mát (đối với những đoạn có thể trồng được), khoảng cách cây tùy loại cây nhưng đảm bảo khả năng giao tán sau khi trưởng thành: Tổng cộng có 106,73km đường trục xã, liên xã cần trồng cây xanh

bóng mát; hiện nay cả 106,73km đường trục xã, liên xã đã được trồng cây xanh bóng mát, rào và chăm sóc cẩn thận.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Giao thông.*

### **2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi:**

- Gần 10 năm triển khai thực hiện Chương trình nông thôn mới, trên địa bàn toàn huyện đã đầu tư, nâng cấp kiên cố hóa được 220,55 km kênh mương nội đồng, nâng tỷ lệ kênh mương nội đồng được kiên cố hóa lên 439,31/460,08 km, đạt 95,48%.

Trên địa bàn huyện có 32 hồ, đập thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp (trong đó 01 hồ chứa lớn, 05 hồ, đập vừa, 26 hồ, đập nhỏ), 91 trạm bơm điện (bao gồm trạm bơm Linh Cảm) và 492,88 km kênh mương các loại (trong đó 32,8 km kênh cấp 1, cấp 2 liên xã Công ty Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh quản lý và 460,08 km kênh mương nội đồng cấp 3, cấp 4 địa phương quản lý). Công trình thủy lợi trên địa bàn huyện hàng năm phục tưới cho 14.657 ha đất sản xuất nông nghiệp, trong đó vụ Xuân 8.223,92 ha (lúa 6.453,92ha, thủy sản 459,11ha, cây trồng khác 1.310,89ha), vụ Hè Thu 6.219,98 ha (lúa 4.236,43ha, thủy sản 459,11ha, cây trồng khác 1.524,44ha), vụ Đông 213,1 ha cây trồng khác.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động tại các xã đều đạt trên 80%.

- Các xã đã thành lập Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Ban, đồng thời phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án ứng phó thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn; tập huấn công tác phòng, chống thiên tai cho 100% cán bộ cấp xã, 24.948/31.107 (80%) người dân vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng hưởng thiên tai được tập huấn, phổ biến kiến thức phòng chống thiên tai.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 về Thủy lợi.*

### **2.4. Tiêu chí số 4 về Điện:**

Giai đoạn 2011 - 2020, các xã trên địa bàn huyện được đầu tư nhiều dự án khác nhau, như: Dự án năng lượng nông thôn II, dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia và các dự án ngành điện như Tái Thiết Đức, xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, nhỏ, sửa chữa thường xuyên,... xây mới 114 trạm biến áp với tổng công suất 22.080kVA; nâng cấp, xây dựng 22,6km đường trung áp, 315km đường dây hạ áp; di dời 730 cột điện vi phạm hành lang an toàn giao thông. Đến nay, 15/55 xã của huyện Đức Thọ đạt tiêu chí Điện theo Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công thương quy định phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; đảm bảo yêu cầu, bao gồm: Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về điện và đạt 100% tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện.*

### **2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học:**

Trên địa bàn huyện có 100% trường học được quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết, 22 trường được mở rộng khuôn viên, 5 trường được đầu tư đồng bộ (2 trường chuyển sang địa điểm mới); có 89 công trình được xây mới với 231 phòng học, 98 phòng chức năng và phòng học bộ môn, 10 thư viện, 7 nhà tập đa năng, 12 phòng giáo dục thể chất, 38 nhà ăn bán trú, 21 vườn cổ tích; nâng cấp 247 phòng học và 128 phòng chức năng. Tổng kinh phí thực hiện trên 490 tỷ đồng. Đến nay toàn huyện có 52/55 trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 94,5% (tăng 14,3%), trong đó có 08 trường đạt chuẩn mức độ 2, đạt tỷ lệ 15,3%; 100% số trường mầm non, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về Trường học.*

### **2.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa:**

Trong 10 năm thực hiện Chương trình toàn huyện đã xây mới, nâng cấp 27 nhà văn hóa, khu thể thao xã; xây mới 106 nhà, nâng cấp 41 nhà văn hóa thôn; xây dựng, chỉnh trang 147 khu thể thao thôn; xây dựng 27 khu vui chơi giải trí dành cho người cao tuổi và trẻ em nâng.

- Toàn huyện có 15/15 xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn về diện tích đất và chỗ ngồi. 100% Trung tâm văn hóa, thể thao xã được bố trí đầy đủ các phòng chức năng, công trình phụ trợ và cơ sở vật chất trang thiết bị đảm bảo tổ chức hoạt động cộng đồng thường xuyên và tổ chức các sự kiện tập trung, hội nghị toàn xã.

- Có 15/15 xã có sân vận động và khu thể thao xã diện tích trên 13.000m<sup>2</sup>, có sân bóng chuyền, bóng chuyền hơi, cầu lông, bóng bàn, sân khấu ngoài trời, hệ thống thoát nước, hàng rào, cây xanh.

- 100% các xã và thị trấn thuộc huyện Đức Thọ được bố trí khu vui chơi giải trí người già và trẻ em xã, trong đó một số xã xây dựng được các công viên mini, quảng trường. Được bố trí vị trí thuận lợi, có mặt bằng sạch đẹp, có dụng cụ tập thể dục, sân bóng hơi, cờ tướng, cây xanh, bàn ghế đá,...

- Có 147/147 thôn có nhà văn hóa, khu thể thao thôn đạt chuẩn, đảm bảo thu hút đông đảo nhân dân đến tham gia sinh hoạt và tổ chức các hoạt động thường xuyên. 100% nhà văn hóa thôn có công trình phụ trợ, trang thiết bị đủ theo quy định, trong đó 20% nhà văn hóa thôn có máy tính kết nối Internet, 70% nhà văn hóa thôn có ti vi, 100% thôn có niêm yết đầy đủ các bộ tiêu chí nông thôn mới và tiêu chí xây dựng Gia đình văn hóa, Khu dân cư văn hóa và công khai hương ước, nội quy hoạt động thôn. 100% thôn có khu thể thao thôn đạt chuẩn diện tích trên 2000m<sup>2</sup>, có sân bóng chuyền, sân bóng chuyền hơi dụng cụ tập thể dục xà đơn, xà kép, thang vận vộng; 55% số thôn có sân bóng đá diện tích từ 5000m<sup>2</sup> trở lên. Các khu thể thao đều có khuôn viên sạch đẹp, có cây xanh, hàng rào đảm bảo hoạt động an toàn; 20% thôn bố trí điểm vui chơi giải

trí trẻ em và người cao tuổi có trang thiết bị hoạt động phục vụ trẻ em và người cao tuổi trong khu dân cư.

- Tỷ lệ hàng rào xanh tại các công trình văn hóa, thể thao ở xã, thôn trên địa bàn huyện Đức Thọ đạt trên 70%, nhiều công trình hàng rào xanh tạo điểm nhấn xanh - sạch - đẹp, vừa tiết kiệm kinh phí xây dựng, vừa bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu trong xu hướng cứng hóa và bê tông hóa hiện nay.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa.*

### **2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

Trước khi sáp nhập xã, huyện Đức Thọ có 27 xã, trong đó có 9 xã quy hoạch chợ, thực hiện đánh giá chợ đạt chuẩn (Đức Đồng, Đức Lạc, Đức Long, Đức An, Đức Dũng, Thái Yên, Đức Nhân, Tùng Ảnh, Đức Tùng). 18 xã còn lại thực hiện đánh giá tiêu chí theo yêu cầu phải có siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi và hệ thống cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn; đến hết năm 2019, các xã này đã được thẩm định đánh giá đạt chuẩn tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn. Sau sáp nhập toàn huyện còn 15 xã trong đó có 8 xã có quy hoạch chợ giai đoạn đến 2020, đánh giá tiêu chí chợ; 7 xã đánh giá tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

Các xã trong quy hoạch chợ đến năm 2020 đều đã được đầu tư nâng cấp, cải tạo đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 9211: Chợ - Tiêu chuẩn thiết kế và các yêu cầu của tiêu chí; đã thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý từ Ban, Tổ, cá nhân quản lý sang Doanh nghiệp/HTX quản lý chợ; cán bộ doanh nghiệp được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ quản lý chợ. Chợ có Nội quy, Phương án bố trí sắp xếp ngành hàng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các hộ kinh doanh trong chợ cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo vệ sinh môi trường, văn minh thương mại.

Đối với 8 xã thực hiện đánh giá tiêu chí theo yêu cầu phải có siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi và hệ thống cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định, các tổ chức, cá nhân kinh doanh đã chủ động đầu tư các cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, cửa hàng tạp hóa phù hợp với quy định, hướng dẫn của ngành; hàng hóa được bố trí sắp xếp khoa học, đáp ứng yêu cầu tiêu chí về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.*

### **2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông**

- 15/15 xã trên địa bàn huyện Đức Thọ đều có ít nhất 01 điểm phục vụ bưu chính, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông của các tổ chức và nhân dân địa phương như gửi bưu phẩm, bưu kiện, chuyển tiền nhanh, tiết kiệm bưu điện, chi trả lương hưu và BHXH, thu BHXH tự nguyện, chuyển phát nhanh, phát hành báo,...

- 15/15 xã của huyện có dịch vụ viễn thông, internet đạt yêu cầu, mỗi xã có ít nhất 01 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng (Viettel, Mobifone, Vinaphone,...), có hạ tầng kỹ thuật viễn thông đạt tiêu chuẩn về chất lượng dịch

vụ đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Bình quân ở mỗi xã có trên 60% số hộ gia đình sử dụng thuê bao internet riêng để truy cập thông tin.

- 15/15 xã có đài truyền thanh cấp xã; 100% số thôn xóm ở các xã có hệ thống loa, cụm loa truyền thanh ngoài trời và hoạt động thường xuyên.

- 15/15 xã trong huyện có ứng dụng thông tin trong quản lý điều hành và có trang thông tin điện tử; 100% số cán bộ, công chức xã được cấp và sử dụng hòm thư điện tử công vụ trong giải quyết công việc.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông.*

### **2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư**

UBND huyện đã triển khai hỗ trợ người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013; kết quả đã hỗ trợ 426 hộ người có công xây mới, sửa chữa nhà bằng nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh. Bên cạnh đó mặt trận tổ quốc và các đoàn thể đã vận động quyên góp hỗ trợ xây dựng 729 “Nhà đại đoàn kết” cho người nghèo; phối hợp Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn hỗ trợ trực tiếp 17 nhà tình nghĩa; phối hợp tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện làm mới 337 nhà Đại đoàn kết theo Quyết định 167/CP. Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chủ động chỉnh trang, xây mới, cải tạo, nâng cấp nhà ở, công trình chuồng trại chăn nuôi, vườn hộ theo tiêu chí “3 sạch”.

Đến nay trên địa bàn 15 xã có 27.648/31.823, có nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng, đạt 86,9%, không còn nhà tạm, nhà dột nát.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư.*

### **2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập**

Huyện ủy, UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tập trung các giải pháp, huy động tối đa nguồn lực để phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, ngành nghề nông thôn,... để tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Xây dựng các mô hình cánh đồng mẫu lớn có diện tích lên đến 2.000ha/vụ với cơ cấu một loại giống lúa có năng suất, chất lượng cao liên kết với doanh nghiệp, 350ha sản xuất lúa giống; chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi gắn với quy hoạch vùng sản xuất tập trung các sản phẩm hàng hóa chủ lực như: Vùng Trà Sơn đẩy mạnh phát triển cây ăn quả có múi (cây cam, bưởi) kết hợp với chăn nuôi bò, lợn; vùng đồng bằng bán sơn địa sản xuất lúa; vùng ngoài đê sản xuất rau, củ, quả chất lượng cao liên kết với doanh nghiệp; vùng trũng ven sông phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bán thâm canh và thâm canh. Toàn huyện có 507 mô hình nông nghiệp doanh thu từ 300 triệu đồng/năm trở lên, trong đó có 74 mô hình lớn doanh thu trên 1 tỷ đồng/ năm, 104 mô hình vừa doanh thu từ 500 đến 1 tỷ đồng, 329 mô hình nhỏ doanh thu từ 300 đến dưới 500 triệu đồng/năm; có 85 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chủ lực của huyện.

Phát triển các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Thái Yên, Trường Sơn, Đức Thịnh và Thị trấn. Nhà máy sản xuất bao bì quy mô 1,28 ha, tổng mức

đầu tư 54 tỷ đồng, sử dụng trên 200 lao động; nhà máy sản xuất gạch, chế biến gỗ, chế biến nông sản ổn định sản xuất. Năm 2019 Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) 01 dự án với tổng mức đầu tư 6 triệu USD (nhà máy may mặc xuất khẩu của Hàn Quốc tại Cụm công nghiệp huyện với công suất 5 triệu sản phẩm/năm, nhà máy đi vào hoạt động giải quyết việc làm cho trên 5.000 lao động. Có 384 mô hình tiểu thủ công nghiệp có doanh thu từ 500 triệu đồng trở lên, góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, từ nông nghiệp sang các hoạt động tiểu thủ công nghiệp

Thu nhập bình quân đầu người ở các xã trên địa bàn huyện năm 2019 là 38,54 triệu đồng, trong đó khu vực nông thôn là 37,71 triệu đồng (*tăng 2,81 lần so với năm 2010*). 15/15 xã trong huyện có thu nhập bình quân đầu người trên mức quy định 33 triệu đồng/người/năm. Dự ước năm 2020 thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn toàn huyện đạt 41,52 triệu đồng/người/năm và không có xã nào đạt dưới mức quy định 36 triệu đồng/người/năm.

*Đánh giá: Đến nay, 15/21 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 10 về Thu nhập.*

### **2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo**

Huyện Đức Thọ đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt chính sách giảm nghèo gắn với thực hiện Chương trình xây dựng NTM bằng nhiều hình thức, tỷ lệ hộ nghèo đều giảm qua các năm.

Tổng số hộ nghèo 1.269 hộ/31.823 tổng số hộ toàn huyện, chiếm tỷ lệ 3,99% (*giảm 9,1% so với năm 2010*), trong đó số hộ nghèo bảo trợ xã hội 618 hộ, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều sau khi đã trừ đối tượng bảo trợ xã hội là 2,08%.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 11 về Hộ nghèo.*

### **2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm**

Công tác giải quyết việc làm được cấp ủy, chính quyền hết sức quan tâm, đẩy mạnh chuyển đổi mô hình sản xuất, đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn giải quyết việc làm sau đào tạo; trong 10 năm triển khai thực hiện đã tổ chức được 204 lớp dạy nghề cho hơn 6.828 lao động, gồm các nghề: may, hàn xì, sửa chữa máy nông nghiệp, chế biến món ăn, mây tre đan, trồng trọt, chăn nuôi, may mặc.... các lao động sau học nghề có việc làm ổn định, thường xuyên. Đến nay, tỷ lệ lao động có việc làm trên địa bàn huyện là 54.598/54.655 lao động, đạt 99,89% %, 15/15 xã trên địa bàn huyện có tỷ lệ lao động có việc làm đạt trên 90%.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 12 về Lao động việc làm.*

### **2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất**

Huyện có 106 HTX nông nghiệp đã chuyển đổi và tổ chức hoạt động theo Luật HTX năm 2012, trong đó có 46 HTX hoạt động hiệu quả, 15 HTX hoạt động mức trung bình. Doanh thu bình quân 1.250 triệu đồng/HTX/năm, lãi bình quân 66 triệu đồng/HTX/năm; một số HTX có doanh thu lớn trên 01 tỷ đồng/năm như: HTX Chăn nuôi Bình Minh Đức An, HTX chăn nuôi lợn nái



ngoại Đức Lạng 08 tỷ đồng/ năm; HTX sản xuất kinh doanh và chế biến nông sản Đức Lâm 5 tỷ đồng...

Có 36 HTX đã thực hiện liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (HTX Quang Trung Đức Thịnh, HTX nông nghiệp Yên Phúc, Yên Phúc -Yên Hồ, HTX nông nghiệp Đức Lạc, HTX chăn nuôi lợn nái ngoại Đức Lạng, HTX chăn nuôi gà Thờ Nhạc Đức Lạng, HTX SX TM Dịch vụ nông nghiệp Tùng Ảnh, HTX chăn nuôi tổng hợp Phú Quý xã Đức Châu, HTX sản xuất kinh doanh chế biến nông sản Đức Lâm...).

Các HTX dịch vụ nông nghiệp, các trang trại chăn nuôi trên địa bàn huyện đã tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động địa phương với thu nhập bình quân từ 4 - 5 triệu đồng/người/tháng; đồng thời hình thành được các chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp và hộ nông dân trên địa bàn, ổn định được đầu ra sản phẩm, từng bước mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, thị trường tiêu thụ ra các tỉnh trong nước.

15/15 xã đã tổ chức được mô hình liên kết chuỗi, mô hình cánh đồng lớn sản xuất nông sản hàng hóa tập trung.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất.*

#### **2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo**

Đức Thọ là một trong những địa phương có truyền thống hiếu học, trong những năm qua huyện luôn có sự tập trung quan tâm nên chất lượng giáo dục đạt được những kết quả tích cực, phát triển toàn diện, ổn định và từng bước được nâng cao. Năm 2014 huyện đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; năm 2017 huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; năm 2019 huyện đạt phổ cập giáo dục THCS mức độ 3; năm 2015 huyện đạt xóa mù chữ mức độ 2. Đến nay, duy trì bền vững phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 3; xóa mù chữ mức độ 2. Kết quả đến nay:

- 15/15 xã đã hoàn thành chương trình xóa mù chữ mức độ 2.
- 15/15 xã duy trì bền vững phổ cập Mầm non cho trẻ 5 tuổi và đạt chuẩn phổ cập giáo dục (*Tiểu học đạt mức độ 3, THCS đạt mức độ 3*).
- 15/15 xã đều có trên 90% số học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục theo học các loại hình THPT, bổ túc THPT, trung cấp, học nghề (*bình quân toàn huyện 95%*).
- Tỷ lệ số người trong độ tuổi lao động có việc làm qua đào tạo của 15 xã đạt 52,76% (*28.806/54.598 người*). 15/15 xã đều có tỷ lệ số người trong độ tuổi lao động có việc làm qua đào tạo  $\geq 40\%$ .

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo.*

#### **2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế**

- Huyện đã xây dựng và tổ chức thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, chỉ đạo các xã tập trung thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động người dân tham

gia bảo hiểm y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến nay đạt 92,2%, tăng 45,2% so với năm 2010; 15/15 xã đều có tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên mức quy định (90%); tỷ lệ người dân được lập hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 93,4%.

- Huyện đã chỉ đạo các xã thực hiện tốt Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến năm 2020. Các xã đã đầu tư xây mới 22 trạm Y tế và cải tạo nâng cấp 5 trạm Y tế phù hợp với Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến năm 2020; Đến nay, sau sáp nhập 15 trạm Y tế xã đều có đầy đủ trang thiết bị theo quy định (*giường inox, máy đo đường huyết, máy tạo o xy, máy hút đờm rãi,...*), một số trạm Y tế xã đã được trang bị thêm máy siêu âm, máy điện tim, máy xét nghiệm nước tiểu,...

15/15 trạm Y tế xã có đội ngũ cán bộ y tế theo quy định, được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, đáp ứng được công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Các xã luôn hoàn thành tốt chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, các chương trình y tế dân số được triển khai có hiệu quả. 15/15 xã đã được UBND tỉnh công nhận đạt “*Tiêu chí quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến năm 2020*”.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi đến nay đạt 12,4%, không có xã nào có tỷ lệ cao hơn so với quy định.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 15 về Y tế.*

## **2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hoá**

Đức Thọ là vùng quê có bề dày truyền thống văn hóa, con người nơi đây nổi tiếng thông minh, hiếu học, từ thời phong kiến đã có đến gần 40 vị đại khoa tiến sĩ. Trong huyện có nhiều dòng họ nổi tiếng khoa bảng như: họ Lê, họ Phan, họ Hà..nhiều làng có truyền thống đỗ đạt làm quan như: Đông Thái, Yên Hồ, Bùi Xá, Trung Lễ... Trên địa bàn huyện có hơn 100 di tích văn hóa, danh nhân, lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, trong đó 77 di tích đã được xếp hạng (15 di tích cấp Quốc gia và 62 di tích cấp tỉnh) là một phần giá trị văn hóa lịch sử quê hương Đức Thọ. Thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phát huy được thế mạnh truyền thống văn hóa, Đức Thọ xây dựng nông thôn mới từ nền tảng, giá trị văn hóa của chính mình.

Những năm qua, phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” và các phong trào xây dựng “*thôn/xóm văn hóa*”, “*gia đình văn hóa*”,... trên địa bàn huyện Đức Thọ được quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt hiệu quả thiết thực. Hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền trên địa bàn huyện có nhiều đổi mới, đa dạng về hình thức; tuyên truyền mạnh mẽ từ huyện đến cơ sở. Hàng năm đã tổ chức tốt ngày hội văn hóa thể thao, lễ hội truyền thống, lễ hội lịch sử, văn hóa trên địa bàn huyện, thu hút đông đảo người dân tham gia.

Đến nay, toàn huyện có 95% số hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa (30.328/31.823 hộ, tăng 26% so năm 2010); có 99% số thôn/xóm (146/147

thôn/xóm, tăng 69% so với năm 2010) đạt danh hiệu thôn/xóm văn hóa; tỷ lệ gia đình thể thao đạt 35%, người tập thể thao thường xuyên đạt 40%, có 310 câu lạc bộ văn hóa, thể thao cấp thôn, 56 câu lạc bộ văn hóa, thể thao cấp xã. 100% xã triển khai xây dựng "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới" theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND tỉnh Hà Tĩnh. Đến nay có 05 xã được công nhận "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới" (Trường Sơn, Tùng Ảnh, Yên Hồ, Trung Lễ, Đức Yên).

Công tác bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa và giữ gìn các giá trị văn hóa bản sắc địa phương được chú trọng, không để tình trạng xuống cấp nghiêm trọng đối với các di tích đã được xếp hạng. Hằng năm có trích một phần ngân sách kết hợp với huy động xã hội hóa trong nhân dân để tôn tạo, quản lý di tích. Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại dân ca Ví, Giặm được bảo tồn, phát huy hiệu quả, hiện nay trên địa bàn có 28 câu lạc bộ dân ca Ví, Giặm cấp xã và 150 câu lạc bộ, đội văn nghệ cấp thôn hoạt động về Ví, Giặm.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 16 về Văn hóa.*

### **2.17. Tiêu chí 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm**

- Về chỉ tiêu tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định: Có 30.686/31.823 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt 99% , tăng 21% so với năm 2010; có 23.267/31.823 hộ dân sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn quốc gia QCVN 02:2009/BYT, đạt tỷ lệ 75,25%, tăng 55,7% so với năm 2010.

- Về chỉ tiêu tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Toàn huyện có 2.510 cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đều đạt các yêu cầu về bảo vệ môi trường, 100% các cơ sở đều có các công trình, biện pháp xử lý chất thải đúng đảm bảo đạt các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó: Có 208 cơ sở thuộc đối tượng lập kế hoạch bảo vệ môi trường, 10 Đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được UBND huyện xác nhận; 20 hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường được UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận; 2.272 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nhỏ lẻ (dịch vụ thương mại, buôn bán các sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng, đồ gia dụng, nhà hàng ăn uống có diện tích nhỏ hơn 200 m<sup>2</sup> sàn, nuôi trồng thủy sản có diện tích nhỏ hơn 5.000 m<sup>2</sup>...) thuộc Phụ lục IV Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường không thuộc đối tượng lập hồ sơ bảo vệ môi trường, tuy nhiên được các địa phương quản lý, kiểm tra và giám sát theo thẩm quyền.

- Về chỉ tiêu xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Cảnh quan môi trường chung toàn huyện, nhất là khu dân cư được chỉnh trang đảm bảo sạch, đẹp, hàng rào được trồng cây xanh và phủ bằng cây xanh; Có 106,73/106,73 km đường trục xã, thôn, ngõ xóm được trồng cây xanh hai bên đạt 100%;

- Về chỉ tiêu mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Trên địa bàn toàn huyện có 52 nghĩa trang và các địa phương đã ban hành quyết định

đóng cửa 12 nghĩa trang tự phát trong các khu dân cư. Các nghĩa trang đã được quy hoạch và thực hiện đúng quy hoạch, ban hành quy chế, hướng ước quản lý nghĩa trang, đã tổ chức quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt, làm công, hàng rào, trồng cây xanh, thực hiện hung, cát táng theo đúng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Về chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định:

+ Các xã đều có Phương án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt. trên địa bàn huyện đã thành lập 28 HTX DV môi trường và đi vào hoạt động tương đối ổn định với 254 lao động, 119 xe đẩy tay, 124 thùng đựng rác các loại, 24 xe ô tô tải các loại. Thực hiện văn bản số 4932/UBND-XD1 của UBND tỉnh ngày 20/8/2018 về quy hoạch và sử dụng bãi rác Phượng Thành, huyện Đức Thọ thống nhất cho UBND huyện tạm thời sử dụng bãi rác Phượng Thành làm nơi tập kết, gom rác để vận chuyển đi xử lý, quá trình tập kết phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đảm bảo quy trình, quy định, hạn chế đến mức thấp nhất những tác động ảnh hưởng đối với các hộ dân xung quanh bãi rác trong phạm vi (<500m) bị ảnh hưởng.

Ủy ban nhân dân huyện tăng cường phối hợp với Hội phụ nữ, Hội nông dân, các Tổ chức, đoàn thể cấp huyện tổ chức 110 cuộc tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn phân loại, xây dựng các mô hình phân loại, xử lý rác tại hộ gia đình. Nhiều hộ gia đình đã có ý thức phân loại rác tại nguồn, xây dựng các bể ủ phân hữu cơ để xử lý rác thải hữu cơ phát sinh của gia đình bằng phương pháp ủ phân vi sinh, sử dụng chế phẩm sinh học phun, ủ, xử lý phân chuồng để bón cây trồng trong vườn, ngoài đồng ruộng... góp phần giảm tải rất lớn lượng rác thải hữu cơ ngay tại nguồn, giảm ngân sách hỗ trợ và giảm ô nhiễm môi trường.

*Đối với rác thải hữu cơ:* Tập trung tuyên truyền, hỗ trợ cho 4.051 hộ gia đình xây dựng mô hình phân loại, xử lý rác hữu cơ, sản xuất phân vi sinh tại hộ (Năm 2019: 675 mô hình, năm 2020: nhân rộng thêm 3.376 mô hình); hỗ trợ, vận động mua 10.815 giỏ rác phân loại tại hộ nhằm giảm lượng rác thải phát sinh, đồng thời đảm bảo môi trường.

*Đối với rác thải vô cơ:* Rác thải vô cơ, khó phân hủy sau khi được phân loại, các HTX dịch vụ môi trường hoặc tổ, đội vệ sinh thu gom, sau đó vận chuyển về điểm tập kết tạm thời hoặc vận chuyển trực tiếp lên bãi tập kết tạm thời tại bãi rác Phượng Thành. Hàng năm, UBND huyện ký hợp đồng vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt với Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Hoàn Sơn, xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh hoặc Nhà máy phân loại xử lý rác thải, sản xuất biogas và phân bón khoáng hữu cơ, tỉnh Quảng Bình.

*Đối với phế liệu khác:* Các hộ gia đình đã phân loại, chủ động liên hệ với đơn vị thu gom phế liệu trên địa bàn để thu mua.

Về lâu dài, UBND tỉnh sẽ kêu gọi đầu tư Nhà máy điện rác tiếp nhận, xử lý rác thải sinh hoạt các huyện, thị xã phía Bắc Hà Tĩnh, trong đó có huyện Đức Thọ. UBND huyện sẽ xây dựng phương án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện theo tình hình thực tế sau khi Nhà máy điện rác đi vào hoạt

động.

+ Toàn huyện có trên 143,2 km mương tiêu thoát nước khu dân cư được xây dựng đảm bảo quy định. Các khu dân cư không có hiện tượng nước thải ú đọng, ngập úng. Hiện nay, huyện đang triển khai xây dựng điểm 232 mô hình hình thu gom, sơ xử lý nước thải tại các hộ gia đình (trong đó, 10 hộ xây bằng nhựa composit tại xã Yên Hồ, xã Bùi La Nhân; 222 hộ xây dựng bằng ống bê tông).

- Về chỉ tiêu Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Có 29.595/31.823 hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh, đạt 93%; có 30.231/31.823 hộ gia đình có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt 95%. 15/15 xã đều có tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch  $\geq 90\%$ .

- Về tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: Trên địa bàn toàn huyện, có 5.770 hộ chăn nuôi lợn, bò và 24 trang trại chăn nuôi. Trong đó: quy mô dưới 10 con có 4.633 hộ; quy mô từ 10-30 con có 1.009 hộ; quy mô từ 30-50 con có 80 hộ; quy mô trên 50 con có 24 hộ, quy mô trên 500 con có 24 trang trại. Có 5.443 hộ chăn nuôi nhỏ lẻ (chủ yếu là chăn nuôi để tự cung tự cấp) đều nằm cách biệt với nhà ở và đường đi chung ít nhất 5 m, có xây dựng bể biogas hoặc các bể lắng lọc xử lý nước thải. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường là 5.443/5.794, chiếm tỷ lệ 94%.

- Về chỉ tiêu tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Toàn huyện có 674/674 (đạt 100%) cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại các xã đảm bảo tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm đạt 100%. Công tác kiểm tra, giám sát về ATTP được duy trì thường xuyên và được tổ chức thành các đợt cao điểm trong năm (tháng hành động và dịp lễ, tết). Tổ chức điều tra thống kê, phân loại và ký cam kết đảm bảo ATTP đối với các cơ sở thực phẩm trong toàn huyện.

***Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm.***

### ***2.18. Tiêu chí 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật***

- Nhiệm vụ xây dựng, củng cố hệ thống chính trị vững mạnh từ huyện đến cơ sở được tăng cường. Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ ở cơ sở đạt chuẩn theo quy định được quan tâm thường xuyên. Sự phối hợp giữa chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng NTM ngày càng thường xuyên, chặt chẽ và hiệu quả. Đến nay, 100% số cán bộ, công chức xã của 15/15 xã trên địa bàn huyện đã đạt chuẩn theo quy định; 15/15 xã có đủ các tổ chức theo quy định, gồm: Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh. 15/15 Đảng bộ, chính quyền đạt tiêu chuẩn, xếp loại "hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên; 15/15 xã có 100% số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.

- Về tiếp cận pháp luật: Tất cả văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND xã ban hành đều được thực hiện theo quy định; công tác phổ biến giáo

dục pháp luật và trợ giúp pháp lý được thực hiện thường xuyên; quy chế dân chủ được thực hiện tốt, thiết chế tiếp cận pháp luật được tổ chức và hoạt động đầy đủ; các xã đều có cán bộ tư pháp, hộ tịch hộ khẩu, có địa điểm và cơ sở vật chất đảm bảo để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết quả có 15/15 xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định;

- Có 7/15 xã có nữ cán bộ chủ chốt, 8/15 xã có tỷ lệ nữ ủy viên cấp ủy đạt trên 15% và có quy hoạch nữ cán bộ chủ chốt; không phát hiện trường hợp nào tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, bạo lực gia đình; việc thông tin, tuyên truyền về bình đẳng giới thực hiện có hiệu quả trên hệ thống Đài phát thanh nhất là hệ thống loa phát thanh cơ sở; một số xã đã thành lập mô hình địa chỉ tin cậy- nhà tạm lánh; các xã đều có cam kết nói không với bạo lực gia đình. Kết quả 15/15 xã đều đảm bảo công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.*

### **2.19. Tiêu chí 19 về Quốc phòng và An ninh**

- Về quốc phòng: Huyện Đức Thọ và các xã đã thực hiện tốt công tác quốc phòng trong thời kỳ mới Lực lượng dân quân tự vệ ở 15/15 xã của huyện Đức Thọ được xây dựng, củng cố, tăng cường đủ số lượng, đảm bảo chất lượng. Công tác tuyển chọn thanh niên nhập ngũ được tiến hành chặt chẽ, nghiêm túc; hàng năm 15/15 xã đều hoàn thành 100% chỉ tiêu nghĩa vụ quân sự, đảm bảo chất lượng theo quy định. Các cuộc diễn tập phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện, cấp xã được triển khai đạt mục đích, yêu cầu của Quân khu 3, UBND tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

- Về an ninh: Những năm qua, 15/15 xã của huyện Đức Thọ đều đã thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 14-10-2006 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh Quốc gia trong tình hình mới. Hàng năm Đảng ủy các xã có Nghị quyết, UBND các xã có Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự. Đảng ủy, UBND các xã đều tập trung chỉ đạo giải quyết có hiệu quả những vấn đề nổi lên về an ninh trật tự; làm tốt công tác phòng ngừa xã hội, phát huy vai trò của các mô hình phong trào để giải quyết những phức tạp, mâu thuẫn nảy sinh ngay từ cơ sở thu hút đông đảo người dân tham gia. Công tác xây dựng thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân và công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự được củng cố, tăng cường.

Kết quả: 15/15 xã của huyện Đức Thọ đều triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung tiêu chí; an ninh trật tự ở 15/15 xã được đảm bảo, các tệ nạn xã hội giảm đáng kể, không có khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; 15/15 xã đã được UBND huyện công nhận đạt chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo Quy định của UBND tỉnh Hà Tĩnh về khu dân cư, xã, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” trên địa bàn tỉnh được ban hành tại Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh.*

### **2.20. Tiêu chí 20 về Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu**

Xác định Xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Vườn mẫu là bước đột phá, tạo điều kiện tối đa cho người dân phát huy vai trò chủ thể của mình, tạo động lực trực tiếp cho người dân và cộng đồng dân cư tham gia, bởi lợi ích thiết thực, thiết thân mang lại, kinh tế hộ gia đình phát triển, môi trường sống được cải thiện, tình làng, nghĩa xóm gắn kết keo sơn hơn, tạo diện mạo mới cho khu vực nông thôn và cộng đồng dân cư, tạo ra xã đạt chuẩn NTM thuyết phục và bền vững hơn, do đó thời gian qua huyện Đức Thọ đã có sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả. Huyện đã ban hành chính sách cụ thể để khuyến khích, hỗ trợ nguồn lực cho các thôn, hộ gia đình tổ chức thực hiện.

- Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu: Đến nay, toàn huyện Đức Thọ có 147/147 thôn của 15/15 xã đã được phê duyệt phương án xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, trong đó đã có 62 thôn đạt chuẩn, có 50/147 thôn được hưởng chính sách của tỉnh với tổng kinh phí 14.348 triệu đồng và 68/147 thôn được hưởng chính sách của huyện với kinh phí 4.800 triệu đồng.

- Vườn mẫu: Nhằm phát triển kinh tế vườn hộ góp phần nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân cư, tạo cảnh quan môi trường, huyện đã ban hành Đề án phát triển kinh tế vườn hộ giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025, cùng các cơ chế, chính sách hỗ trợ đi kèm, toàn huyện có 90% số hộ có diện tích vườn từ 500m<sup>2</sup> trở lên trên địa bàn huyện được quy hoạch, thiết kế và tổ chức sản xuất theo quy hoạch. Trong đó có 1.099 vườn hộ đã và đang xây dựng mô hình vườn mẫu, đã có 607 vườn được công nhận đạt chuẩn, các vườn mẫu đã trở thành điểm sáng trong việc phát triển kinh tế vườn, tạo cảnh quan môi trường, là điển hình để học tập và nhân rộng, là hạt nhân trong việc thực hiện xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu, bền vững.

*Đánh giá: Đến nay, 15/15 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 20 về Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.*

### **3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM**

#### **3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

##### *a) Yêu cầu của tiêu chí:*

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014;

- Được công bố công khai;

- Có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt;

##### *b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đức Thọ đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đã được lập, thẩm định, phê duyệt tại Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 01/3/2019, đảm bảo các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng theo quy định tại: Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. Quy hoạch đảm bảo đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và yêu cầu xây dựng nông thôn mới huyện giai đoạn 2016-2020. Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đức Thọ đến năm 2035, tầm nhìn

đến năm 2050 đã phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và những yếu tố mang tính đặc thù của vùng; cụ thể hóa đề án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Tĩnh, phát huy thế mạnh vị trí chiến lược của huyện với nội dung phát triển, tốc độ đô thị hóa, tính chất, tiềm năng và động lực phát triển vùng; dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển 10 năm, 20 năm; Xác định các chỉ tiêu kỹ thuật theo mục tiêu phát triển; định hướng phát triển không gian vùng; định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đề xuất môi trường chiến lược và các giải pháp thực hiện quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt,...

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Huyện Đức Thọ đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 1 về Quy hoạch.

### **3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã;
- Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%:

+ Đường bộ:

Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%.

Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

+ Đường thủy: Đường thủy nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

+ Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện tối thiểu đạt loại 4; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Hệ thống giao thông như đường giao thông nông thôn trên địa bàn huyện Đức Thọ đã được đầu tư nâng cấp kết nối với nhau và kết nối tới trung tâm hành chính huyện, tỉnh thông qua các Quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và hệ thống đường trục xã; Các sông lớn đã được lắp đặt hệ thống phao tiêu báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông.

- Đường bộ: Trên địa bàn huyện Đức Thọ hiện tại có 3 tuyến đường Quốc lộ đi qua gồm: QL8 (qua địa bàn huyện dài 16km), QL15 (qua địa bàn huyện dài 14,5km), QL281 (đoạn qua huyện dài 19,5km); Có 2 tuyến đường tỉnh lộ đi qua



địa bàn: ĐT. 552 (qua huyện dài 8km) và ĐT.554 (qua địa bàn huyện 14km). Các tuyến đường Quốc lộ, đường tỉnh đạt quy mô từ cấp III đến cấp V, chất lượng còn tốt, thường xuyên được quan tâm bảo dưỡng, nâng cấp, nhân dân đi lại thuận tiện. Tuyến đường sắt Bắc Nam đi qua địa bàn 7 xã (Tùng Châu, Liên Minh, Thị trấn, Tân Dân, Hòa Lạc, Đức Đồng, Đức Lạng) dài 17,5 km, có 2 ga là Ga Yên Trung và ga Đức Lạc thuận tiện trong vận chuyển hàng hóa và đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân. Để kết nối với hệ thống đường Quốc lộ, Đường tỉnh, đường sắt trên địa bàn huyện Đức Thọ được quy hoạch đường huyện theo Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Đồ án xây dựng vùng huyện đến 2035, định hướng đến 2050 với 12 tuyến với tổng chiều dài 78,48km. Đến nay 78,48/78,48km (100%) đường huyện được nhựa hóa, bê tông hóa, thuận lợi cho giao thông đi lại.

- Đường thủy: Trên địa bàn huyện có 2 tuyến Sông La và Sông Ngàn Sâu từ Huyện Vũ Quang đến Sông Lam huyện Nghi Xuân do Sở GTVT quản lý, 2 tuyến sông này thường xuyên được ngành GTVT phối hợp với đội cảnh sát đường thủy công an tỉnh tuần tra, bổ sung hệ thống biển báo, quản lý các phương tiện thuyền, bè đi lại trên sông, đề xuất với UBND tỉnh tổ chức nạo vét các vị trí không đảm bảo cho thuyền đi lại. Hầu hết 2 tuyến này chủ yếu vận tải hàng hóa giao thương từ vùng núi đến miền xuôi.

- Vận tải: Hiện nay bến xe cũ loại V đang hoạt động được đầu tư từ lâu, vị trí tại khu vực trung tâm thị trấn không đủ diện tích mở rộng nên phải quy hoạch vị trí mới. Theo Quy hoạch vùng huyện Đức Thọ đã được UBND tỉnh phê duyệt, huyện Đức Thọ quy hoạch 1 bến xe tại trung tâm thị trấn (vị trí mới) đầu tư phân kỳ giai đoạn 2021-2024.

Hiện nay có 3 tuyến vận tải hành khách công cộng theo quy hoạch đi qua địa bàn huyện (tuyến Hương Sơn - Hà Tĩnh; tuyến Hương Sơn - Vinh; tuyến Vũ Quang - Hà Tĩnh; tuyến Đức Thọ - Vinh). Trên các tuyến đường, nhất là tại các trung tâm xã nơi tuyến vận tải hành khách công cộng này đi qua đã được bố trí các điểm dừng, đỗ theo quy định, tạo thuận lợi cho hành khách tham gia giao thông công cộng.

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện Đức Thọ đã được đầu tư xây dựng đồng bộ theo chuẩn NTM và đảm bảo tính kết nối giữa quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và đường trục xã. Huyện Đức Thọ đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 2 về Giao thông.

### **3.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Hệ thống thủy lợi liên xã (*Bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên*) thuộc Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Bắc Hà Tĩnh quản lý, khai thác được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi của tỉnh Hà Tĩnh đã được phê duyệt.

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

\* Về quy mô, năng lực tưới tiêu:

- Hệ thống tưới liên xã bao gồm các công trình:

+ Có 02 hồ chứa tưới liên xã: Hồ Bình Hà nằm trên địa bàn xã Đức Dũng cũ có dung tích 8,54 triệu m<sup>3</sup>. Diện tích tưới thực tế 650ha, trong đó tưới trên địa bàn huyện Đức Thọ 149,2 ha cho các xã Đức An, Đức Dũng (nay là xã An Dũng). Hồ Ngàn Trươi (qua hệ thống tưới kênh chính Ngàn Trươi - Cẩm Trang và hệ thống kênh trạm bơm Linh Cẩm cũ), dung tích 775,7 triệu m<sup>3</sup>, diện tích tưới thực tế cho địa bàn huyện Đức Thọ 4.412,2 ha cả năm (trong đó vụ Xuân là 2.240,6 ha, vụ Hè Thu 2.171,6 ha), gồm các xã Tùng Ảnh, Thị trấn Đức Thọ, Đức Yên, Đức Long, Đức Lập, Đức An, Đức Dũng, Đức Lâm, Đức Thanh (nay sáp nhập thành xã Tùng Ảnh, Thị trấn Đức Thọ, Tân Dân, An Dũng, Lâm Trung Thủy, Thanh Bình Thịnh) và một phần đất xâm canh xã Liên Minh. Ngoài ra, khi đi vào hoạt động ổn định kênh trục chính Ngàn Trươi - Cẩm Trang sẽ kết nối với hệ thống thủy lợi của địa phương tưới cho 700 ha đất nông nghiệp các xã Đức Lạng, Đức Đồng, Đức Lạc (nay sáp nhập thành xã Đức Lạng, Đức Đồng, Hòa Lạc).

+ Hệ thống kênh liên xã 19/5, kênh Nhà Lê cấp nước tưới tạo nguồn cho công trình thủy lợi địa phương 3.544,8ha (trong đó vụ Xuân 1.816,16ha, vụ Hè Thu 1.681,26ha, thủy sản 47,44ha), gồm các xã Bùi Xá, Trung Lễ, Đức Lâm, Đức Thủy, Đức Thanh, Thái Yên, Đức Thịnh, Yên Hồ, Đức Dũng, Đức Yên (nay sáp nhập thành xã BùiLa Nhân, Lâm Trung Thủy, Thanh Bình Thịnh, An Dũng, Yên Hồ, Thị trấn Đức Thọ).

Hiện nay, các công trình tưới liên xã trên địa bàn huyện đều do Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Hà Tĩnh quản lý, khai thác và bảo vệ.

- Hệ thống trục tiêu liên xã: Hệ thống tiêu của huyện Đức Thọ theo 3 hướng chính, gồm tiêu trực tiếp ra sông Ngàn Sâu cho các xã Thượng Đức Thọ; tiêu trực tiếp ra sông La và sông Lam cho các xã ngoài đê La Giang; tiêu theo kênh 19/5, kênh Nhà Lê chảy về sông Nghèn cho các xã Trà Sơn và vùng nội đồng trong đê. Do địa hình phức tạp, mạng lưới trục tiêu toàn huyện dài trên 170 km, gồm các:

Hiện nay, hệ thống trục tiêu trên địa bàn huyện cơ bản đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời phục vụ sản xuất và dân sinh.

\* Về mô hình quản lý, khai thác: Có Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Hà Tĩnh quản lý, khai thác, vận hành có hiệu quả, bền vững các công trình thủy lợi, trạm bơm, kênh mương, đê, kè, cống, đập, bờ vùng... phục vụ tốt cho 100% diện tích đất sản xuất và dân sinh.

Công tác quản lý, khai thác, vận hành đảm bảo theo phương án bảo vệ công trình thủy lợi được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt.

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Hệ thống thủy lợi của huyện Đức Thọ đã được đầu tư xây dựng phù hợp với Quy hoạch thủy lợi tỉnh Hà Tĩnh; đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai. Huyện Đức Thọ đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 3 về Thủy lợi.

### **3.4. Tiêu chí số 4 về Điện**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

Huyện đạt chuẩn NTM về điện, phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp (*hệ thống điện*) đầu tư liên xã đạt các điều kiện như sau:

+ Đảm bảo “đạt” thông số kỹ thuật, an toàn điện theo Tiêu chí 4.1 tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 về Phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020;

+ Đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối (*về tần số, điện áp, cân bằng pha, sóng hài điện áp, nhấp nháy điện áp, công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ*) liên xã theo các thông số quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BCT của Bộ Công thương.

- Hệ thống điện đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh sau năm 2016, đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2016 - 2020.

- 100% số xã trong huyện đạt Tiêu chí số 4 về điện theo Hướng dẫn của Bộ Công thương tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Điện lực Đức Thọ quản lý vận hành khối lượng 188,2 km đường dây trung áp; tổng số 231TBA phân phối với tổng công suất 44.910kVA; 648,31km đường dây hạ áp; 39.956 khách hàng sử dụng điện (35.314 khách hàng sinh hoạt, 4.642 khách hàng ngoài sinh hoạt). Đường dây trung áp cấp điện áp 35kV, 22kV sử dụng dây nhôm AC tiết diện dây dẫn 95mm<sup>2</sup>, 70mm<sup>2</sup>, 50 mm<sup>2</sup>; cột sử dụng cột bê tông ly tâm chiều cao 12m, 14m, 16m; đường dây hạ áp cấp điện áp 0,4kV và 0,2kV; dây dẫn chủ yếu sử dụng cáp vặn xoắn, cáp bọc và một phần dây nhôm AV tiết diện dây dẫn 70mm<sup>2</sup>, 95mm<sup>2</sup> (đường trục 0,4kV); 35mm<sup>2</sup>, 50mm<sup>2</sup> (nhánh rẽ 0,2kV); điện áp đảm bảo  $\pm 5\%$  theo quy định; tần số đảm bảo (50 $\pm$ 0,2)Hz. Đường dây trung, hạ áp đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.

- Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-BCT ngày 12/01/2017 (Hợp phần I - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV) và UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 (Hợp phần 2 - quy hoạch chi tiết lưới điện trung và hạ áp sau các trạm biến áp 110kV). Hằng năm, Công ty Điện lực Hà Tĩnh đã phối hợp với Sở Công Thương và UBND huyện Đức Thọ cân đối, đưa vào kế hoạch đầu tư xây dựng công trình điện theo quy hoạch đã được phê duyệt và các quy định liên quan.

- Hệ thống điện đảm bảo các quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối: Tần số, điện áp, cân bằng pha, sóng hài điện áp, nhấp nháy điện áp, công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ.

*c) Đánh giá Tiêu chí:* Hệ thống điện huyện Đức Thọ phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2025 có xét đến năm 2035 đã

được phê duyệt; đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Huyện Đức Thọ đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 4 về Điện.

### **3.5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hoá - Giáo dục**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Về Y tế: Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III, Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn Quốc gia.

- Về Văn hoá: Huyện có Trung tâm văn hóa - thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá - Thể thao & Du lịch và có nhiều hoạt động văn hóa thể thao kết nối với các xã có hiệu quả.

- Về Giáo dục: Có từ 60% trở lên số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

##### **\* Về Y tế:**

- Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ công nhận là Bệnh viện hạng II theo Quyết định số 2132/QĐ-UBND, ngày 15/7/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Hiện có quy mô 170 giường bệnh kế hoạch, 268 giường thực tế, có đầy đủ các tổ chức Đảng, đoàn thể; có Ban Giám đốc, 03 phòng chức năng và 12 khoa. Tổng số cán bộ viên chức là 232 người. Năm 2019 có 98.620 lượt người đến khám chữa bệnh; đã triển khai nhiều kỹ thuật mới, đã áp dụng kỹ thuật mổ nội soi...

- Trung tâm Y tế dự phòng huyện Đức Thọ được xếp loại đơn vị y tế hạng III theo quyết định số 914/QĐ- UBND ngày 07/03/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Cơ sở hạ tầng của Trung tâm được đầu tư khang trang đầy đủ các khoa, phòng.

- Đánh giá: Huyện Đức Thọ đạt chuẩn nội dung 5.1 về Y tế trong Bộ tiêu chí huyện NTM.

##### **\* Về Văn hoá:**

Trung tâm Văn hóa - Truyền thông với diện tích quy hoạch là 37.000 m<sup>2</sup> có cơ sở vật chất gồm: Trụ sở hành chính 2000 m<sup>2</sup>; Nhà văn hóa huyện với 450 chỗ ngồi, được trang bị phong chính bằng màn hình LED, âm thanh, ánh sáng đáp ứng tốt yêu cầu tập luyện, biểu diễn và các hoạt động văn hóa, hội họp; Khu liên hợp Thể thao huyện 34.000 m<sup>2</sup> với đầy đủ các phòng chức năng, phòng nghiệp vụ, hành chính, 01 sân vận động quy mô đạt chuẩn, có 04 sân bóng đá cỏ nhân tạo, 01 nhà tập đa năng và 03 sân tập các môn thể thao đơn giản khác. Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, thông tin truyền thông tại Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện diễn ra phong phú, đa dạng.

Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của huyện, Trung tâm đã xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, tổ chức các cuộc hội thi, hội diễn, các giải thi đấu thể dục thể thao của huyện và hướng dẫn hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho cơ sở.

- Đánh giá: Huyện Đức Thọ đạt chuẩn nội dung 5.2 về Văn hoá trong Bộ tiêu chí huyện NTM.

\* Về Giáo dục:

- Trên địa bàn huyện Đức Thọ có 4 trường THPT. Từ năm 2011 đến nay, các trường THPT đã được đầu tư xây mới, cải tạo, tu bổ cơ sở vật chất, các phòng học, phòng chức năng, tăng cường trang thiết bị, đồ dùng dạy học,... theo chuẩn quốc gia.

- Đến nay toàn huyện có 3/4 trường THPT (75% số trường THPT) đạt chuẩn quốc gia:

+ Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai đạt chuẩn quốc gia năm 2006, công nhận lại lần 1 năm 2011 và công nhận lại lần 2 năm 2016 tại Quyết định 2400/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Trường nhiều năm được UBND tỉnh tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc và Bộ GD & ĐT tặng Bằng khen, năm học 2010-2011 được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhất.

+ Trường THPT Trần Phú được công nhận trường chuẩn quốc gia năm 2008, công nhận lại lần 1 năm 2013, công nhận lại lần 2 năm 2018 tại Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Trường nhiều năm đạt thành tích xuất sắc trong việc bồi dưỡng học sinh giỏi, thi sáng tạo KHKT, các kỳ thi tuyển sinh vào Đại học luôn đạt kết quả cao. Nhiều năm được UBND tỉnh tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và Bằng khen, Cờ thi đua xuất sắc. Năm học 2016-2017 được Sở GD & ĐT công nhận trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3. Trường được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba năm 2012, Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2019.

+ Trường THPT Đức Thọ được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2015 tại Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Huyện Đức Thọ đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 5 về Y tế - Văn hoá - Giáo dục.

### **3.6. Tiêu chí số 6 về Sản xuất**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Huyện đạt chuẩn tiêu chí về sản xuất khi đáp ứng 1 trong 2 điều kiện sau:

(1) Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, đảm bảo:

+ Có quy mô đất đai, mặt nước lớn, liên xã theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

+ Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển bền vững;

+ Các khâu sản xuất trồng trọt được cơ giới hóa đồng bộ; các khâu sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được cơ giới hóa theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

(2) Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản lượng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch. Mô hình liên kết thực hiện theo một

trong hai hình thức sau:

+ Có hợp đồng thu mua sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân với doanh nghiệp, thời gian thực hiện hợp đồng ổn định từ 02 năm trở lên.

+ Có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên cơ sở hợp đồng liên kết cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất của nông dân và cung ứng các yếu tố đầu vào, vốn, kỹ thuật để đạt được sản lượng, chất lượng nông sản theo yêu cầu của doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nông nghiệp cho nông dân.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Thực hiện quyết định số 853/2012/UBND ngày 27/3/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; theo đó, huyện Đức Thọ có 05 sản phẩm chủ lực sau: Lúa, Lạc, Rau (củ, quả), Lợn và Bò. Kết quả thực hiện tiêu chí như sau:

- Sản xuất lúa: Hiện nay, toàn huyện có 36 mô hình chủ yếu là các mô hình Hợp tác xã nông nghiệp có sử dụng đồng nhất về giống (bộ giống chủ lực, ngắn ngày, có năng suất, chất lượng cao), ứng dụng kỹ thuật, quy trình sản xuất (các chương trình quản lý dịch hại tổng hợp, hệ thống thâm canh lúa cải tiến, áp dụng quy trình sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn), có liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã; trong đó có 12 mô hình liên kết gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm; có 10 mô hình liên kết khâu tiêu thụ; có 14 mô hình liên kết ở khâu khác (chủ yếu là khâu cung ứng vật tư đầu vào). Quy mô tối thiểu của mô hình 20 ha, tập trung chủ yếu tại các xã vùng lúa như: Lâm Trung Thủy, Thanh Bình Thịnh, Bùi La Nhân, Tùng Ảnh... với các giống lúa P6, BT7, Nếp 98, BQ,...

Nhìn chung, các mô hình sản xuất lúa trên địa bàn huyện đều có hợp đồng thu mua sản phẩm được ký giữa THT, HTX với Doanh nghiệp, HTX ổn định từ 02 năm trở lên. Tỷ lệ sản lượng sản phẩm lúa được tiêu thụ theo Hợp đồng liên kết là 10.190/56.142 tấn đạt 18,15%. Liên kết sản xuất tiêu thụ lúa chủ yếu thông qua các HTX nông nghiệp, THT với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh như: Công ty cổ phần giống cây trồng Hà Tĩnh (Thành phố Hà Tĩnh), HTX dịch vụ giống, thu mua, chế biến nông sản Đức Lâm, Công ty giống cây trồng TW, Hà Tĩnh, Công ty TNHH Thống Tuấn, Doanh nghiệp tư nhân Hiền Hoài... tại các xã: Yên Hồ, Lâm Trung Thủy, Thanh Bình Thịnh, Bùi La Nhân, Tùng Ảnh... Ngoài ra, tại các địa phương còn xây dựng các THT, HTX thu mua chế biến nông sản để tiêu thụ lúa gạo cho người dân. Liên kết tiêu thụ sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất lúa cho bà con nông dân trên địa bàn huyện, từng bước nâng cao thu nhập cho người nông dân.

Một số mô hình tiêu biểu:

+ Mô hình sản xuất lúa gắn chế biến, tiêu thụ sản phẩm của HTX sản xuất giống, thu mua chế biến nông sản Đức Lâm liên kết với HTX Đồng Văn Đức Thủy, huyện Đức Thọ: Quy mô 181 ha/854 hộ gia đình, HTX cung ứng giống lúa (Bắc Thơm 7), hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, thu mua sản phẩm, tổ chức xay xát, tiêu thụ; doanh thu đạt 2.000 triệu đồng/năm, lợi nhuận 700 triệu đồng/năm, giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt 100 triệu đồng/ha/năm.

+ Mô hình liên kết sản xuất giống lúa của xã Yên Hồ: Quy mô 25ha/158 hộ dân, liên kết với Công ty giống cây trồng Hà Tĩnh trong cung ứng giống, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giống, thu mua sản phẩm; doanh thu đạt 3.000 triệu đồng/năm, lợi nhuận 2.000 triệu đồng/năm, giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt 100 triệu đồng/ha/năm.

- Sản xuất lạc: Hiện nay, toàn huyện có 08 mô hình sản xuất lạc thương phẩm sử dụng đồng nhất về giống (giống L14), với diện tích 20 ha, năng suất bình quân đạt trên 27 tạ/ha tập trung chủ yếu tại các xã: Quang Vĩnh, Liên Minh, Tùng Châu, Hòa Lạc, Tùng Ảnh, An Dũng, Đức Đồng... Có liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp, HTX như: Công ty TNHH Thống Tuấn, Doanh nghiệp tư nhân Hiền Hoài, Anh Hiếu, HTX ... Tỷ lệ sản lượng sản phẩm lạc được tiêu thụ theo Hợp đồng liên kết là 10.190/56.142 tấn đạt 18,15%.

Một số mô hình tiêu biểu: Mô hình sản xuất Lạc L14 tại xã Liên Minh, Quang Vĩnh, Tùng Ảnh, Đức Đồng, Hòa Lạc.

- Sản xuất rau, củ, quả: Trên địa bàn huyện đã hình thành 06 mô hình sản xuất rau theo hướng an toàn với quy mô tối thiểu 02 ha, năng suất hàng năm đạt từ 60 - 70 tạ/ha, tập trung tại các xã: Yên Hồ, Bùi La Nhân, Liên Minh, Tùng Ảnh, An Dũng và Thị trấn với các sản phẩm chủ yếu như: Xu hào, cà rốt, bắp cải, súp lơ, Bí xanh, dưa chuột, đậu cô ve leo và một số rau truyền thống khác có ứng dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn rau an toàn, sản xuất trong nhà lưới và ứng dụng kỹ thuật tưới phun tự động, đảm bảo an toàn thực phẩm; Có liên kết tiêu thụ với Tổng công ty khoáng sản thương mại Mitraco Hà Tĩnh, Công ty cổ phần Xây dựng và dịch vụ Sông La, Doanh nghiệp tư nhân Hiền Hoài, Các HTX nông nghiệp ..... Tỷ lệ sản lượng sản phẩm rau, củ quả được tiêu thụ theo Hợp đồng liên kết là 725/5.568 tấn đạt 13,02%.

Một số mô hình tiêu biểu:

Tại các xã: Liên Minh trồng Đậu cô ve, rau các loại, tại xã Yên Hồ trồng sau cao cấp như: Bầu bí, bắp cải, súp lơ; Bùi La Nhân trồng dưa chuột, rau thơm các loại; Thị trấn trồng rau ăn lá và rau thơm; An Dũng trồng hành, kiệu, bầu bí và Tùng Ảnh trồng bí xanh, dưa chuột, đậu cove.

- Chăn nuôi lợn: Có 16 mô hình, chiếm 80% tổng số mô hình các sản phẩm chủ lực, trong đó: 10 mô hình đồng nhất về giống lợn siêu nạc, quy trình kỹ thuật nuôi công nghiệp; 06 gia trại, trang trại quy mô lớn (từ 100-350 con/lứa), liên kết với các doanh nghiệp, HTX lớn như: Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam chi nhánh Hải Dương, Công ty cổ phần nông lâm Hà Tĩnh, HTX chăn nuôi lợn nái ngoại Đức Lạng. Chuỗi liên kết xây dựng chủ yếu ở các xã có thế mạnh về chăn nuôi, có tổng đàn, sản lượng chăn nuôi lớn như: Tân Hương, An Dũng, Bùi La

Nhân, Đức Đồng, Đức Lạng. Tỷ lệ sản lượng sản phẩm lợn được tiêu thụ theo hợp đồng liên kết là 1302/6.150 tấn đạt 21,17 % .

Một số mô hình tiêu biểu như: Hợp tác xã chăn nuôi lợn nái ngoại Đức Lạng quy mô 650 con nái và trên 2.000 con lợn thịt/lứa; Cơ sở chăn nuôi Lợn Phương Liên quy mô 300 nái và trên 500 con lợn thịt/lứa; HTX chăn nuôi Bình Minh Đức An quy mô 1.800 con/lứa, Trang trại anh Trần Văn Hào xã Bùi Xá quy mô 1.200 con/lứa; Trang trại anh Nguyễn Bá Linh xã Đức Đồng quy mô 600 con/lứa và các trang trại quy mô 500 con/lứa như: Anh Hân; Anh Định, Anh Sang, Anh Quyết (Xã Tân Hương), Anh Cần, Anh Chính, Anh Sỹ, Anh Định, Anh Quang, Anh Huỳnh (xã An Dũng).

- Chăn nuôi bò: Là huyện đi đầu trong phong trào Sind hóa đàn bò của tỉnh. Hàng năm trên địa bàn huyện duy trì tổng đàn bò là từ 22.000 - 25.000 con, có 25 mô hình chăn nuôi bò thịt chất lượng cao với quy mô từ 10 con trở lên, tập trung chủ yếu tại các xã: Đức Tùng, Đức Châu, Trường Sơn, Tùng Ảnh, Đức Quang, Đức Vĩnh, Yên Hồ, Bùi Xá, Đức La, Đức Nhân, Đức Đồng, Đức Lạng... có liên kết tiêu thụ với HTX Chăn nuôi tổng hợp Phú Quý (xã Tùng Châu). Tỷ lệ bò thương phẩm được tiêu thụ theo hợp đồng liên kết là 220,6/1.425 tấn đạt 15,48%.

Một số mô hình chăn nuôi bò tiêu biểu:

Tại xã Đức Đồng có các hộ chăn nuôi bò hộ bà Lại Thị Phượng, hộ ông Nguyễn Trường Lân, hộ ông Bùi Hào, hộ ông Bùi Đình Tiến nuôi từ 10 con/lứa, Tại xã Trường Sơn có các hộ: Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Đức Chân nuôi quy mô từ 8-10 con/lứa, hộ ông Dương Ngọc Hải ở Tùng Ảnh chăn nuôi 12 con/lứa; Tại xã Đức Châu có hộ ông Thái Đức, hộ ông Trần Quốc Toàn, hộ bà Chu Thị Phương nuôi từ 8 - 12 con/lứa. Tại xã Đức Lạng có các hộ: Ông Lê Đình Vị, bà Phan Thị Mai Hoa, Ông Phan Đình Chung, Ông Nguyễn Cảnh Quý, Ông Võ Tất Thắng chăn nuôi bò mỗi hộ từ 8-10 con/lứa.

\* Ngoài chăn nuôi Lợn, Bò trên địa bàn hiện nay có 06 mô hình chăn nuôi gà quy mô trên 10.000 con/ lứa như Hộ Anh Sỹ xã Đức Dũng quy mô 10.000 con/lứa, HTX chăn nuôi gà công nghiệp xã Đức Dũng quy mô 14.000 con/lứa, cơ sở chăn nuôi gà liên kết với Cty cổ phần thức ăn chăn nuôi Japfa tại Tùng Ảnh quy mô: 15.000 con/lứa, Trại chăn nuôi chị Bùi Thị Thơ - Đức Lạng quy mô 10.000 con/lứa, ngoài ra còn có trang trại tại các xã: Tân Dân, Trường Sơn, Hòa Lạc quy mô 10.000 con/lứa liên kết sản xuất với HTX Chăn nuôi gà công nghiệp Đức Dũng.

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Huyện Đức Thọ đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 6 về Sản xuất.

### **3.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường**

#### **3.7.1. Yêu cầu của tiêu chí:**

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.  
- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (*công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm*) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

#### **3.7.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:**



a) Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện:

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Đề án số 73/ĐA-UBND ngày 11/01/2018 về việc phân loại thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Đức Thọ giai đoạn 2017-2020 (Đề án số 73); Kế hoạch số 922/KH-UBND ngày 13/4/2018 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện Đề án “Phân loại thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Đức Thọ giai đoạn 2017-2020. Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 97/QĐ-CTUBND ngày 11/01/2018 về quy định mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt năm 2018-2019 trên địa bàn huyện Đức Thọ. Công tác thu gom, xử lý chất thải rắn được thực hiện theo quy định:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Hiện nay, lượng rác phát sinh toàn huyện khoảng 52,45 tấn/ngày, trong đó: khoảng 65% rác hữu cơ (33,8 tấn/ngày); 25% rác vô cơ (13 tấn/ngày); 10% phế liệu khác (5,2 tấn/ngày). Các HTX dịch vụ môi trường tại các xã thu gom, vận chuyển rác về tập kết tạm thời tại bãi rác Phượng Thành khoảng 23,68 tấn/ngày, đạt 45,15%.

Đối với rác thải hữu cơ: Hiện nay công tác phân loại rác tại các hộ gia đình chưa thực hiện đồng bộ, tỷ lệ số hộ thực hiện tốt công tác phân loại rác tại hộ còn thấp (9.458/31.823 hộ) đạt 30% (trong đó, 4.051 hộ xây dựng mô hình phân loại, sản xuất phân hữu cơ; 5.407 hộ phân loại bằng giỏ rác tại hộ).

UBND huyện tăng cường phối hợp với Hội phụ nữ, Hội nông dân, các Tổ chức, đoàn thể cấp huyện tổ chức 110 cuộc tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn phân loại, xây dựng các mô hình phân loại, xử lý rác tại hộ gia đình. Nhiều hộ gia đình đã có ý thức phân loại rác tại nguồn, xây dựng các bể ủ phân hữu cơ để xử lý rác thải hữu cơ phát sinh của gia đình bằng phương pháp ủ phân vi sinh, sử dụng chế phẩm sinh học phun, ủ, xử lý phân chuồng để bón cây trồng trong vườn, ngoài đồng ruộng... góp phần giảm thải rất lớn lượng rác thải hữu cơ ngay tại nguồn, giảm ngân sách hỗ trợ và giảm ô nhiễm môi trường.

Đối với phế liệu khác: Các hộ gia đình đã phân loại, chủ động liên hệ với đơn vị thu gom phế liệu trên địa bàn để thu mua.

Đối với rác thải vô cơ: Các HTX dịch vụ môi trường hoặc tổ, đội vệ sinh thu gom, sau đó vận chuyển về điểm tập kết tạm thời tại địa phương hoặc vận chuyển trực tiếp lên bãi tập kết tạm thời tại bãi rác Phượng Thành. Hàng năm, UBND huyện ký hợp đồng vận chuyển rác thải sinh hoạt tập kết tạm thời tại bãi rác Phượng Thành đưa đi xử lý bằng phương pháp đốt tại Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Hoàn Sơn, xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh hoặc Nhà máy phân loại xử lý rác thải, sản xuất biogas và phân bón khoáng hữu cơ, tỉnh Quảng Bình

Về lâu dài, UBND tỉnh sẽ kêu gọi đầu tư Nhà máy điện rác tiếp nhận, xử lý rác thải sinh hoạt các huyện, thị xã phía Bắc Hà Tĩnh, trong đó có huyện Đức Thọ. UBND huyện sẽ xây dựng phương án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện theo tình hình thực tế sau khi Nhà máy điện rác đi vào hoạt động.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp: Chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, từ các khu công nghiệp được các chủ cơ sở thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng ngoài địa bàn huyện để xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn y tế: Huyện Đức Thọ có Bệnh viện huyện, 16 trạm y tế xã, thị trấn và 5 phòng khám bệnh tư nhân đều chấp hành tốt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Các cơ sở y tế đều thực hiện công tác thu gom theo quy trình và ký hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý chất thải y tế để vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 quy định về quản lý chất thải y tế.

- Chất thải rắn nông nghiệp: Phụ phẩm phát sinh trong nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng hoặc xử lý đúng theo quy định.

- Bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng: Các xã đều có quy chế quản lý thu gom, xử lý vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật; đã xây dựng 307 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên các cánh đồng. Khối lượng bao bì thuốc BVTV phát sinh khoảng 100kg/năm, định kỳ 01 năm/1 lần (tháng 12), huyện sẽ tổ chức thu gom đồng loạt, căn cứ khối lượng vỏ bao bì thuốc BVTV phát sinh theo thực tế, UBND huyện ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh, xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh để vận chuyển, xử lý đảm bảo theo quy định.

- Đối với chất thải rắn Y tế: Trên địa bàn huyện có 01 Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ, 16 trạm Y tế tại các xã, thị trấn và 05 phòng khám, cơ sở y tế tư nhân hàng năm phát sinh **khoảng 45 tấn CTYT (trong đó: bệnh viện đa khoa huyện 14 tấn/năm, 16 trạm y tế 28 tấn/năm, các phòng khám 03 tấn/năm)**. Các trạm y tế xã, phòng khám tư trên địa bàn huyện hợp đồng thu gom, vận chuyển, tập kết tạm thời tại Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ. Hằng năm, Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải y tế với Công ty TNHH MTV chất thải công nghiệp Hà Tĩnh **định kỳ 01 tuần/lần**.

b) 100% số cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

Trên địa bàn huyện Đức Thọ có hơn 2.510 cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến, dịch vụ hoạt động đảm bảo môi trường, đạt tỷ lệ 100%, trong đó: 208 cơ sở thuộc đối tượng lập kế hoạch bảo vệ môi trường, 10 Đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được UBND huyện xác nhận; 20 hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường được UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận; 2.272 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nhỏ lẻ thuộc đối tượng không phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường, tuy nhiên, các cơ sở này được các địa phương quản lý, kiểm tra và giám sát theo thẩm quyền, cụ thể:

- Có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường, bao gồm:

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết, hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản, hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường,

hoặc hồ sơ tương đương theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Đối với các cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục II, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường. Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, Giấy phép khai thác, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định;

Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, Giấy phép khai thác, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định (nếu có);

Phương án bảo vệ môi trường đối với các đối tượng theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Có công trình, biện pháp, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường để thu gom, phân loại, lưu giữ, tái chế, thu hồi hoặc xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn) đúng quy định; thực hiện đầy đủ và đúng các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết trong các hồ sơ nêu trên.

- Các cơ sở nuôi trồng thủy sản đều nằm trong quy hoạch nuôi trồng thủy sản được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 05/7/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch nuôi tôm trên cát tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012 - 2020, định hướng đến năm 2030. Trên địa bàn huyện không có các cơ sở thuộc đối tượng lập Cam kết bảo vệ môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường, tuy nhiên các cơ sở này được địa phương quản lý, kiểm tra và giám sát.

- Toàn huyện đã có quy hoạch 40 vùng chăn nuôi tập trung với diện tích 374,1 ha nằm trong quy hoạch chung của tỉnh. Trong đó có 18 vùng với diện tích 138,3 ha quy hoạch chăn nuôi lợn theo quyết định số 1281/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung và Quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020. Có 24 cơ sở chăn nuôi tập trung, trong đó 02 cơ sở thuộc đối tượng báo cáo đánh giá tác động môi trường và 22 cơ sở thuộc đối tượng lập Cam kết bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường. Các cơ sở đều có các hồ sơ, các công trình xử lý môi trường như biogas, hồ sinh học đúng theo hồ sơ phê duyệt và đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú ý trong chăn nuôi theo quy định. Các cơ sở chăn nuôi tập trung đều nằm trong quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung và Quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, đảm bảo khoảng cách và vệ sinh môi trường đối với khu dân cư theo quy định.

- Có 03 Cụm công nghiệp: cụm công nghiệp - TTCN - làng nghề, bao gồm: Cụm CN-TTCN, làng nghề xã Thái Yên; Làng nghề xã Trường Sơn sản xuất

mộc dân dụng; và cụm CN-TTCN Yên Trung với tổng diện tích quy hoạch 97,4 ha, hiện nay đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường được UBND tỉnh phê duyệt và có các hồ sơ, các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn đúng quy định hiện hành, xử lý chất thải đạt các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Toàn huyện có 683/683 (đạt 100%) hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (đạt 100%).

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Huyện Đức Thọ đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 7 về Môi trường.

### **3.8. Tiêu chí số 8 về Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội**

a) *Yêu cầu của tiêu chí:* Hàng năm Huyện ủy có Nghị quyết, UBND huyện có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Hàng năm, Huyện ủy đều có nghị quyết, UBND huyện có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự.

Công an huyện: Biên chế đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Công an. Trong những năm qua và năm 2019, tập thể cán bộ, chiến sỹ Công an huyện luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, không để xảy ra tình huống đột xuất, bất ngờ; đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Năm 2019-2020 bố trí, luân chuyển 48 chiến sỹ công an được đào tạo chính quy về làm việc trực tiếp tại các xã, thị trấn, đến nay 16/16 xã có công an chính quy làm trưởng, phó công an xã, công an viên. Trên địa bàn không xảy ra khiếu kiện đông người kéo dài; trọng án không xảy ra; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiểm chế và làm giảm, cụ thể:

- Tình hình khiếu kiện: Tình hình An ninh chính trị trên địa bàn huyện ổn định. Tuy còn tồn tại ở một số khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng, đã được các cấp có thẩm quyền trả lời và giải quyết theo quy định.

- Tình hình tội phạm hình sự: Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được kiểm chế, không để xảy ra trọng án.

- Tình hình tội phạm ma túy: trên địa bàn huyện không có tụ điểm phức tạp về ma túy.

- Tình hình tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, chức vụ, môi trường: Công an huyện thường xuyên phối hợp tốt các ngành chức năng đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển buôn bán hàng giả, hàng cấm.

- Tình hình tai nạn giao thông: tai nạn giao thông được kiểm chế và làm giảm.

- Kết quả thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc: Thường

xuyên chỉ đạo, duy trì và nhân rộng các mô hình phong trào đang phát huy hiệu quả như mô hình “Tổ tự quản về ANTT”, “Tổ liên gia an toàn”, “Tổ hòa giải”, ....

+ Lực lượng Công an xã luôn được quan tâm, củng cố và tập huấn pháp luật, nghiệp vụ đảm bảo đúng quy định của Pháp lệnh Công an xã.

+ Ban Chỉ huy Quân sự huyện hàng năm thực hiện đạt và vượt kế hoạch chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ.

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Huyện Đức Thọ đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 8 về Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội.

### **3.9. Tiêu chí số 9 về Chỉ đạo xây dựng NTM**

#### *a) Yêu cầu của tiêu chí:*

Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định;

Văn phòng Điều phối Chương trình NTM huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

#### *b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM được thành lập theo Quyết định số 6091/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ và được kiện toàn theo Quyết định số 804-QĐ/HU ngày 06/03/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy huyện Đức Thọ, gồm 43 thành viên, do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban; các đồng chí PBT Huyện ủy là Phó trưởng ban; thành viên gồm các đồng chí Thường vụ Huyện ủy phụ trách các cụm và Trưởng các, phòng, đơn vị, đoàn thể có liên quan, Ban Chỉ đạo các Chương trình: Nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững và Mỗi xã một sản phẩm huyện được kiện toàn thống nhất là một, đảm bảo sự thống nhất, phối, kết hợp tốt hơn giữa các Chương trình.

- Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Đức Thọ thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn huyện đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của trung ương, tỉnh, hướng dẫn các xã thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy xây dựng nông thôn mới, các sản phẩm OCOP; chỉ đạo duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới tại các xã; chỉ đạo thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản; kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong việc huy động đóng góp tiền của, công sức của nhân dân tham gia xây dựng NTM, tránh tình trạng huy động quá sức dân. Trong 10 năm đã ban hành hơn 2.530 văn bản các loại, trong đó có 36 Chỉ thị, Nghị quyết chuyên đề, 75 Đề án, Chương trình, 54 Kế hoạch,...; hàng tháng duy trì họp Ban Chỉ đạo; tổ chức 83 cuộc giám sát chuyên đề, 937 cuộc kiểm tra, làm việc với Ban Chỉ đạo nông thôn mới các xã;...

*\* Văn phòng điều phối xây dựng NTM*

- Văn phòng Điều phối xây dựng NTM huyện Đức Thọ được thành lập tại Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 15/3/2011 của UBND huyện Đức Thọ và được kiện toàn theo Quyết định số 4659/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 của UBND huyện Đức Thọ. Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chánh văn phòng; 01 đồng chí Phó Chánh văn phòng; thành viên gồm 05 cán bộ chuyên trách và một số cán bộ bán chuyên trách thuộc các phòng ban, đơn vị cấp huyện

- Văn phòng điều phối đã thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

+ Tham mưu Ban Chỉ đạo huyện, UBND huyện ban hành Kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn huyện.

+ Phối hợp tốt với các phòng ban trong công tác rà soát, đánh giá thực trạng tại các xã, tổ chức hướng dẫn, tư vấn các xã trong quá trình tổ chức thực hiện; thực hiện tốt công tác theo dõi, tổng hợp báo cáo, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện, đánh giá kết quả thực hiện, xác định mức độ đạt chuẩn nông thôn mới; tham mưu Ban Chỉ đạo huyện, UBND huyện trình UBND tỉnh công nhận các danh hiệu về nông thôn mới.

+ Tham mưu Ban Chỉ đạo huyện, UBND huyện ban hành các cơ chế chính sách, sát đúng với điều kiện thực tế của huyện; thực hiện tốt chức năng điều phối các hoạt động thực hiện Chương trình đối với các phòng, ban, tổ chức đoàn thể cấp huyện và các xã.

+ Hàng năm đều thực hiện tốt công tác đào tạo tập huấn về Chương trình nông thôn mới, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm; lập dự trù kinh phí phục vụ hoạt động hàng năm của Ban Chỉ đạo huyện và Văn phòng điều phối Chương trình, trình Ban Chỉ đạo phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định.

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Huyện Đức Thọ đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 9 về Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới.

**4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM**

- Tổng số nợ đọng của toàn huyện là 0 đồng.

- Hiện tại trên địa bàn huyện Đức Thọ đã và đang triển khai thi công 75 công trình với tổng mức đầu tư là 194,444 tỷ đồng; khối lượng thực hiện đã nghiệm thu đến nay là 84,300 tỷ đồng, số đã thanh toán là 45,565 tỷ đồng. Số kinh phí còn lại chưa thanh toán là 38,735 tỷ đồng.

- Về cân đối nguồn lực: Để hoàn thành các tiêu chí, đảm bảo huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định cần tổng nhu cầu kinh phí là 133,259 tỷ đồng; trong đó nguồn chưa xác định là 36,045 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn đã được xác định là 97,214 tỷ đồng, gồm: nguồn vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 chưa giải ngân (8,151 tỷ đồng); nguồn lồng ghép các đề án, chính sách của tỉnh (3,464 tỷ đồng); nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo mục tiêu (73,630 tỷ đồng); nguồn ngân sách huyện, xã (số tiền 11,969 tỷ đồng).

+ Nguồn vốn chưa xác định là 36,045 tỷ đồng dự kiến sử dụng từ nguồn tiền thuê đất, sử dụng đất huyện, xã được hưởng, đóng góp của nhân dân bằng

hiện vật (năm 2020 huyện Đức Thọ được giao thu tiền sử dụng đất là 110 tỷ đồng và huyện cam kết ưu tiên cho các dự án xây dựng nông thôn mới).

Như vậy, với nhu cầu kinh phí 133,259 tỷ đồng, huyện Đức Thọ đã đảm bảo cân đối được nguồn lực thanh toán khối lượng hoàn thành và thực hiện các nhiệm vụ khác để hoàn thành các tiêu chí trong xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

## **II. KẾT LUẬN**

### **1. Về hồ sơ**

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn NTM của huyện Đức Thọ đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn NTM; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020.

### **2. Về kết quả thực hiện các Tiêu chí huyện NTM**

Huyện Đức Thọ có:

- 100% số xã đạt chuẩn NTM theo quy định.
- 100% số Tiêu chí huyện NTM đạt chuẩn theo quy định.

### **3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM**

Huyện Đức Thọ không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM.

## **III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM XÂY DỰNG NTM HUYỆN ĐỨC THỌ CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI**

Quán triệt quan điểm "Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là chiến lược; nông thôn mới là căn bản; tái cơ cấu ngành nông nghiệp, cùng với thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm là then chốt; người nông dân là chủ thể". Tiếp tục chỉ đạo các xã đã đạt chuẩn duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí, luôn cập nhật và thực hiện theo chuẩn mới, đi vào chiều sâu, thiết thực, phù hợp; chú trọng nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế nông thôn, nhất là xây dựng, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất gắn với bảo quản, chế biến sản phẩm; đẩy mạnh công tác giữ gìn, bảo vệ môi trường; bảo tồn, phục dựng và phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống, tiếp thu tinh hoa văn hóa thời đại; phát huy lợi thế phát triển của các khu kinh tế trọng điểm để hỗ trợ phát triển cho vùng nông thôn. Xây dựng nông thôn mới bền vững (quan tâm cao những tiêu chí thiếu bền vững, các nội dung về phát triển kinh tế nông thôn, vấn đề văn hóa ứng xử, về môi trường, nhất là nước sạch và an toàn vệ sinh thực phẩm...), gắn với phát triển đô thị, hướng tới nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Tạo điều kiện và động lực cho người dân nâng cao hơn nữa vị thế của mình, thực sự là chủ thể và hưởng lợi các thành tựu đạt được.

**1. Tiếp tục quán triệt và tuyên truyền nâng cao nhận thức đến tất cả cán bộ, đảng viên, tất cả các tổ chức, đơn vị và toàn thể nhân dân xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt, “có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc”.**

Huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, phát huy vai trò người đứng đầu, trách nhiệm của từng đồng chí cán bộ, đảng viên để vận động người dân tích cực tham gia xây dựng phong trào; phát động rộng rãi các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới mang tính thực chất, đi vào chiều sâu, nội dung đa dạng, hình thức phong phú, có tác dụng tạo sự đồng thuận cao và sức lan tỏa, làm thay đổi nhận thức của người dân cùng chung sức xây dựng nông thôn mới;

Quán triệt đầy đủ quan điểm, mục tiêu giai đoạn mới theo Kết luận 54-KL/TW, ngày 7/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và cụ thể hóa bằng Chương trình hành động của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cả hệ thống chính trị và người dân "Xây dựng nông thôn mới gắn với Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, kinh tế nông thôn, thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt", "Xây dựng nông thôn mới có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc".

Đổi mới công tác tuyên truyền vận động, tiếp tục phát động và nâng cao chất lượng phong trào thi đua "Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" đi vào chiều sâu, thiết thực, phục vụ cho sự phát triển nông thôn trong thời gian tới;

Tiếp tục vận động xã hội hóa thực hiện Chương trình trên cơ sở phù hợp với sức dân; khơi dậy, phát huy tính tự giác, tự nguyện của người dân, công khai minh bạch để tạo sự tin tưởng cho các các tổ chức cá nhân hỗ trợ giám sát thực hiện. Thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời tôn vinh, khen thưởng những cá nhân, tập thể có nhiều đóng góp cho xây dựng nông thôn mới. Thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời tôn vinh, khen thưởng những cá nhân, tập thể có nhiều đóng góp cho xây dựng nông thôn mới.

**2. Xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển giai đoạn mới theo đúng quan điểm chỉ đạo và đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra:** Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, trọng tâm: Cơ chế huy động huy động và sử dụng nguồn vốn nông thôn mới; ưu tiên cao hỗ trợ thực hiện các nội dung, công việc ở cấp thôn xóm và cộng đồng (xây dựng thôn đạt chuẩn, xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu văn minh, thông minh); củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt đảm bảo bền vững, hướng tới xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; hỗ trợ khởi nghiệp trong khu vực nông thôn, phát triển nông nghiệp 4.0, nông nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy liên kết kinh tế giữa các loại hình kinh tế ở nông thôn; nâng cao chất lượng các sản phẩm nông sản (truy xuất nguồn gốc, sản xuất theo hướng xanh sạch); giải quyết các vấn đề về môi trường nông thôn; bảo tồn, gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống; chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn...

Huy động tối đa các nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới nhất là nguồn vốn xã hội hóa, phát huy hiệu quả nguồn vốn tín dụng, vốn đầu tư từ doanh nghiệp, phát huy vai trò chủ thể và huy động nguồn lực của người dân; tiếp tục mở rộng



các hình thức đỡ đầu, tài trợ xây dựng NTM; quan tâm phát triển các vùng kinh tế động lực tạo nguồn thu ưu tiên ngân sách đầu tư cho nông nghiệp nông thôn. Các địa phương cần xác định rõ tổng nguồn lực cần để thực hiện các mục tiêu và tùy từng điều kiện cụ thể để có các giải pháp huy động; phát huy tốt dân chủ cơ sở; sử dụng các nguồn vốn công khai, minh bạch để huy động tốt hơn sự đóng góp của người dân nhưng không quá sức dân; cân đối được nguồn lực đảm bảo, không để phát sinh nợ đọng.

### **3. Tổ chức thực hiện có hiệu quả theo các nhóm tiêu chí**

**3.1. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các nội dung chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch.** Tổ chức thực hiện tốt các quy hoạch đã được phê duyệt về nông nghiệp, nông thôn (*Quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển sản xuất, quy hoạch xây dựng NTM,...*), trong đó có nội dung xây dựng NTM trong quá trình đô thị hóa theo Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; quản lý các quy hoạch theo quy chế.

#### **3.2. Nhóm Hạ tầng kinh tế - Xã hội**

- Soát xét, đánh giá lại hệ thống đường giao thông, có phương án, kế hoạch thực hiện đảm bảo đáp ứng yêu cầu trước mắt và có xét tới định hướng phát triển lâu dài về mặt kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường của địa phương, có sự kết nối phát triển KTXH liên xã, liên vùng.

- Đẩy mạnh hoàn thiện hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất đáp ứng tốt nhu cầu của sản xuất của nhân dân, những vùng có điều kiện thì phát triển theo hướng hiện đại.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng nâng cấp các phòng học, phòng chức năng đảm bảo giữ vững các trường đạt chuẩn, quan tâm cảnh quan, vệ sinh môi trường các trường học, xây dựng nề nếp trong giảng dạy và học tập.

- Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất và các hoạt động phúc lợi, nâng cao chất lượng phục vụ, ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học công nghệ, công nghệ 4.0; tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động văn hóa bằng cách xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở phù hợp với lứa tuổi, đối tượng phục vụ như khu vui chơi giải trí cho người già và trẻ em; đặc biệt quan tâm đến các đối tượng yếu thế trong xã hội, người tàn tật, hộ nghèo,...

#### **3.3. Nhóm Kinh tế - Tổ chức sản xuất**

- Tập trung phát triển kinh tế nông thôn tổng hợp, trong đó thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, thực hiện Chương trình OCOP là then chốt; khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm;

- Xây dựng Đề án Cơ cấu lại kinh tế khu vực nông thôn; rà soát điều chỉnh lại Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp kèm theo kế hoạch, giải pháp thực hiện cụ thể, hiệu quả và tổ chức thực hiện một cách quyết liệt, kiên trì, trách nhiệm cao;

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, trên cơ sở cơ cấu lại sản xuất từng ngành và từng lĩnh vực, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của

từng vùng, Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu lại sản xuất Nông nghiệp theo hướng tập trung hàng hoá với các sản phẩm chủ lực của huyện gồm: Lúa, gạo chất lượng cao, lạc, lợn, gà, rau củ quả... có liên kết chặt chẽ từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp một cách bền vững, hướng tới một nền Nông nghiệp hàng hoá, hữu cơ, thân thiện với môi trường sinh thái. Tăng giá trị sản xuất đạt 115 - 120 triệu đồng/ha/năm vào năm 2025. Tập trung tích tụ ruộng đất, tích cực thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao. Đẩy mạnh ứng dụng tiên bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm. Tiếp tục thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), quảng bá thương hiệu và đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp. Rà soát các vùng quy hoạch sản xuất các sản phẩm có giá trị kinh tế cao như: Vùng cây ăn quả, vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tại các xã vùng Thượng Đức - Trà Sơn; lúa, gạo chất lượng cao, lúa hữu cơ tại các xã vùng lúa; vùng sản xuất rau củ quả chất lượng cao phục vụ cho các khu công nghiệp trên địa bàn huyện, vùng khai thác rươi, cáy, sản xuất gạo hữu cơ tại các xã Yên Hồ, Quang Vĩnh, Bùi La Nhân... Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển kinh tế vườn hộ gắn với xây dựng vườn mẫu để nâng cao hiệu quả kinh tế vườn.

- Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, tăng mạnh các hình thức hợp tác liên doanh, liên kết; đa dạng hóa trong phát triển sản xuất theo hướng hiện đại, bền vững, tăng mạnh sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nâng cao chất lượng, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm. Quan tâm cao đến bảo quản, chế biến sản phẩm, kết nối thị trường tiêu thụ;

- Đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học; quan tâm đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn; tăng cường vai trò của doanh nghiệp trong chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp;

- Quan tâm cao phát triển kinh tế vườn hộ, tạo cảnh quan môi trường và nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao ý thức sản xuất các sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Tiếp tục tăng tốc phát triển kinh tế, thông qua chuyên đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu ngành; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khu vực nông thôn, gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn. Phát huy nội lực, tranh thủ tối đa các nguồn lực từ tỉnh, trung ương, các doanh nghiệp, làm tốt công tác kêu gọi các Doanh nghiệp, hộ cá nhân vào thuê đất tại các cụm công nghiệp, điểm phát triển thương mại, TTCN (Ngã ba Lạc Thiện, ngã tư Trô, Đò Trai, Đức Đồng, Liên Minh, Quán Trại...) và đầu tư phát triển tại các xã, thị trấn. Đồng hành tạo điều kiện để cùng nhà đầu tư kêu gọi thu hút các cơ sở sản xuất lắp đầy trên 80% diện tích các Cụm công nghiệp. Quy hoạch chi tiết, ưu tiên đầu tư hạ tầng các vùng quy hoạch TTCN - làng nghề,

thương mại để đẩy mạnh phát triển TTCN, ngành nghề truyền thống và dịch vụ ở nông thôn, có kế hoạch du nhập ngành nghề mới để giải quyết việc làm, chuyển dịch việc làm từ sản xuất nông nghiệp sang sản xuất ngành nghề CN - TTCN góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân.

- Khuyến khích và tạo thuận lợi phát triển doanh nghiệp nông nghiệp; đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, phát triển trang trại theo hướng chú trọng hơn tới việc tổ chức nông dân sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn tỉnh, cả nước, hướng tới ngoài nước; thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm với các THT, HTX,... nhằm gia tăng giá trị, khai thác triệt để tiềm năng lợi thế của các sản phẩm;

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại; chú trọng quảng bá thương hiệu, mẫu mã hàng hóa, phát triển thương mại điện tử; kết nối, xây dựng mối liên kết, hợp tác giữa danh nghiệp trên địa bàn để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, cung cấp nguyên vật liệu...Hỗ trợ doanh nghiệp, người sản xuất nắm bắt thông tin, dự báo, điều chỉnh phương án sản xuất gắn với thị trường; tổ chức hệ thống cửa hàng giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản truyền thống, duy trì và phát huy hiệu quả các Lễ hội sản phẩm nông sản, đặc sản (cam, bưởi và một số sản phẩm khác). Tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước để gắn kết, hỗ trợ tiêu thụ ổn định các sản phẩm nông sản của tỉnh;

- Tập trung phát triển sản phẩm OCOP gắn với lợi thế về chất lượng, thị trường, phát huy vai trò cộng đồng, đồng thời thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy kinh tế hộ gia đình và kinh tế nông thôn.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các đơn vị, các doanh nghiệp tiếp cận, tham gia hội chợ, triển lãm để quảng cáo, giới thiệu sản phẩm. Phát triển đồng bộ và mở rộng các loại thị trường, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh trong hoạt động Thương mại - Dịch vụ, phấn đấu đưa tỷ trọng giá trị sản xuất lĩnh vực thương mại, dịch vụ hàng năm tăng 15% trong giai đoạn 2020 – 2025. Quan tâm chỉ đạo xây dựng, phát triển các khu vui chơi giải trí, nhà hàng, khách sạn, siêu thị, cơ sở văn hoá, tôn tạo nâng cấp các danh lam thắng cảnh trên địa bàn. Khai thác tốt các tiềm năng du lịch, đa dạng hoá các loại hình Dịch vụ - Du lịch trên cơ sở lợi thế du lịch sinh thái, tâm linh, di tích lịch sử, văn hoá, làng nghề trên địa bàn, tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch của huyện với cả nước và quốc tế; đưa Đức Thọ vào chuỗi du lịch, dịch vụ của các địa phương trong và ngoài tỉnh, đồng thời tuyên truyền giáo dục để nâng cao nhận thức của người dân về văn hóa dịch vụ, du lịch.

### **3.4. Nhóm Văn hóa - Xã hội - Môi trường**

- Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, khơi dậy mạnh mẽ các giá trị văn hóa truyền thống trong từng làng, xã, từng mỗi gia đình, dòng họ và trong mỗi người dân nông thôn, đồng thời tiếp nhận tinh hoa văn hóa nhân loại; xây dựng, hình thành thể hệ nông dân mới phát triển toàn diện trong quá

trình hội nhập quốc tế (vừa mang những phẩm chất truyền thống tốt đẹp của con người Việt Nam đã được hình thành và phát triển trong lịch sử, vừa có những phẩm chất mới của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá) năng lực sáng tạo, kỹ năng canh tác nông nghiệp công nghệ cao...). Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở nông thôn, nhất là đào tạo nghề cho nông dân phải gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thực tế (quan tâm cao ở những vùng có lao động dôi dư từ khu vực nông nghiệp do việc tích tụ, tập trung ruộng đất hoặc thu hồi đất phát triển công nghiệp, đô thị và các công trình công cộng)... Đổi mới y tế cơ sở một cách toàn diện, đồng bộ, hướng tới "bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân", bảo đảm để tất cả mọi người dân được sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng khi cần.

- Có giải pháp phù hợp để đảm bảo người dân được sử dụng nước sạch, kể cả giải pháp công trình tập trung và giải pháp công trình nhỏ lẻ đối với những vùng không thể xây dựng công trình cấp nước tập trung. Chú trọng việc đảm bảo an toàn thực phẩm, tuyên truyền làm thay đổi ý thức nhận thức của người dân về sản xuất sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm chính là bảo vệ bản thân và xã hội, sản phẩm lưu thông thị trường phải được truy xuất nguồn gốc,... tăng cường công tác quản lý nhà nước, thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra, kịp thời phát hiện xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đảm bảo rắn đe ngăn ngừa tái phạm;

- Thực hiện tốt công tác môi trường, tạo môi trường sống xanh, sạch, đẹp, nâng cao ý thức của mỗi người dân trong gìn giữ môi trường sống, tập trung cao cho xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, xây dựng và tạo cảnh quan nông thôn xanh sạch đẹp. Có các giải pháp phù hợp để chất thải, nước thải khu dân cư được thu gom, xử lý đảm bảo, chấm dứt tình trạng xử lý không đảm bảo như từ đốt, chôn lấp; thực hiện tốt việc phân loại, xử lý rác thải, nước thải ngay tại hộ gia đình. Nâng cao ý thức trong thực hiện vệ sinh môi trường trong chăn nuôi, vận động nhân dân di dời công trình vệ sinh, chuồng trại bất hợp lý; sử dụng các giải pháp để giảm ô nhiễm môi trường như: đệm lót sinh học, chế phẩm sinh học...

### **3.5. Nhóm Hệ thống chính trị**

- Nhanh chóng hoàn thiện và ổn định bộ máy sau sắp xếp lại các đơn vị hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động bộ máy theo hướng tinh gọn, chất lượng, đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4;

- Tiếp tục thực hiện tốt và triển khai đồng bộ giải pháp để xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, quan tâm cao công tác đào tạo, nâng cao kiến thức, trình độ chính trị, chuyên môn cho đội ngũ các cấp; thực hiện việc luân chuyển hợp lý đảm bảo phát huy hiệu quả; có hình thức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phù hợp, lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là một nội dung quan trọng khi xem xét.

- Chủ động nắm bắt và dự báo tình hình an ninh trật tự, làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm; giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, mâu thuẫn nội bộ ngay tại cơ sở, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ, điểm nóng; nhân rộng và phát huy hiệu quả các mô hình tự quản đảm bảo giữa vững an ninh trật tự xã hội.

### **3.6. Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu:**

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu đi vào chiều sâu, thực chất, bền vững. Hàng năm phát động phong trào xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu, giao chỉ tiêu cụ thể cho các địa phương; tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng một cách cụ thể, chi tiết theo từng nội dung, tiêu chí để xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện cho từng tuần, tháng, có kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện; phải xây dựng được phong trào thi đua giữ các hộ gia đình với các hộ gia đình, tổ liên gia với tổ liên gia, thôn với thôn để tạo sức lan tỏa trong quá trình tổ chức thực hiện.

### **4. Về huy động nguồn lực:**

- Ưu tiên ngân sách các cấp, đặc biệt là ngân sách hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình, huy động đa dạng các nguồn lực cho nông thôn mới nhất là nguồn vốn xã hội hóa, phát huy hiệu quả nguồn vốn tín dụng, vốn đầu tư từ doanh nghiệp, phát huy vai trò chủ thể và huy động nguồn lực của người dân; tiếp tục mở rộng các hình thức đỡ đầu, tài trợ xây dựng NTM; Quan tâm phát triển các vùng kinh tế động lực tạo nguồn thu cho ngân sách đầu tư cho nông nghiệp nông thôn.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn xây dựng nông thôn mới; ưu tiên cao hỗ trợ thực hiện các nội dung, công việc ở cấp thôn xóm và cộng đồng (xây dựng thôn đạt chuẩn, xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu văn minh, thông minh); củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt đảm bảo bền vững, hướng tới xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu;

- Các địa phương cần xác định rõ tổng nguồn lực cần để thực hiện các mục tiêu và tùy từng điều kiện cụ thể để có các giải pháp huy động; Phát huy tốt dân chủ cơ sở; sử dụng các nguồn vốn công khai, minh bạch để huy động tốt hơn sự đóng góp của người dân nhưng không quá sức dân; cân đối được nguồn lực đảm bảo, không để phát sinh nợ đọng.

**5. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tập trung cao trong lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh Chương trình xây dựng nông thôn mới;** thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" một cách toàn diện hơn, gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo, tăng việc làm, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, xác định rõ nội dung trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sức chiến đấu và năng lực định hướng của các cấp ủy trong công tác xây

dựng Đảng và vận động quần chúng để các tổ chức đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện Chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong xây dựng nông thôn mới. Làm tốt công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho đảng viên, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, thực hiện nêu gương của cán bộ, đảng viên thể hiện vai trò, trách nhiệm trong xây dựng nông thôn mới. Mạnh dạn đề bạt, luân chuyển, khen thưởng, phê bình, kiểm điểm, kỷ luật cán bộ, đảng viên một cách kịp thời để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu đề ra.

Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của các Đoàn, tổ công tác chỉ đạo cơ sở; xây dựng chuyên môn, chuyên nghiệp của Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện, cán bộ chuyên trách cấp xã đáp ứng ngày càng cao vai trò điều phối xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh từ huyện đến xã;

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng về nội dung, phương thức hoạt động, tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên tham gia tích cực thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới cụ thể góp phần xây dựng thành công huyện nông thôn mới kiểu mẫu. Phát huy tốt vai trò giám sát, đánh giá, phản biện xã hội trong xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Phát huy hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, giảm nghèo bền vững.

Tiếp tục đưa và xem mức độ hoàn thành các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới để đưa vào chấm điểm thi đua, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng hàng năm của các địa phương đơn vị.

Các sở ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra gắn với Nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch của từng ngành, các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, phù hợp với điều kiện, bối cảnh mới với từng địa phương trong từng giai đoạn; thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện.

Đối với những tồn tại, hạn chế ngay trong năm 2020 huyện tập trung cao để khắc phục để nâng cấp về tiêu chuẩn của các nội dung, tiêu chí.

*Trên cơ sở những thành quả đã đạt được, phát huy cao những tiềm năng, lợi thế của địa phương là nền tảng, cơ sở để huyện tiếp tục phấn đấu nâng cao chất lượng các nội dung, tiêu chí, đảm bảo huyện đạt chuẩn nông thôn mới vững chắc, đồng thời sẽ tiếp tục xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nghiên cứu về xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu, dự kiến kiểu mẫu điển hình về “**Phát triển nông nghiệp ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học, công nghệ, nông nghiệp hữu cơ thích ứng biến đổi khí hậu bền vững gắn với du lịch văn hóa tâm linh, du lịch sinh thái**”*

#### **IV. KIẾN NGHỊ**

Căn cứ kết quả thực hiện, đối chiếu với quy định tại các Quyết định của

Thủ tướng Chính phủ: số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện Đức Thọ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên BCD tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- UBND huyện Đức Thọ;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (theo dõi NL);
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL<sub>4</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đặng Ngọc Sơn**